

HỘ KINH DOANH LÝ THANH QUỐC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CƠ SỞ SẢN XUẤT GỐM SỨ, VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ỨT NGAO

Châu Thành, tháng 3 năm 2023

HỘ KINH DOANH LÝ THANH QUỐC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ÚT NGAO

CHỦ CƠ SỞ



Lý Thanh Quốc

Châu Thành, tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1.1. Tên chủ cơ sở	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu của cơ sở	8
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	9
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	9
1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở.....	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	13
3.1.3. Xử lý nước thải	14
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt	17

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	17
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	18
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	19
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	19
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	19
3.6.3. Sự cố từ hệ thống xử lý khí thải.....	20
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	21
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	21
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.....	22
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
5.1. Vị trí các điểm quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở.....	23
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	23
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	24
5.4. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí và tiếng ồn trong năm 2022.....	25
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ....	27
6.1. Chương trình quan trắc chất thải.....	27
6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	27
6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục	27
6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác	27
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	27
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	29
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	30
PHỤ LỤC KÈM THEO	31

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
HTXL	Hệ thống xử lý
KK	Không khí
KT	Khí thải
NĐ	Nghị định
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở trong năm hoạt động ổn định.....	8
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại cơ sở.....	9
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình tại cơ sở.....	9
Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng CTRCNTT phát sinh tại cơ sở	17
Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH	18
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép.....	21
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép.....	22
Bảng 4.3. Giá trị giới hạn của thông số tiếng ồn đề nghị cấp phép	22
Bảng 5.1. Vị trí các điểm quan trắc môi trường định k tại cơ sở.....	23
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý trong năm 2022	23
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường bụi, khí thải định kỳ trong năm 2022	24
Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí bên trong cơ sở và tiếng ồn trong năm 2022	25
Bảng 5.5. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn trong năm 2022	26
Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở.....	28

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 1.1. Ảnh vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh.....	6
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở.....	7
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở.....	13
Hình 3.2. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	14
Hình 3.3. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	15
Hình 3.4. Sơ đồ xử lý khí thải lò gạch tại cơ sở.....	16

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Lý Thanh Quốc
- Địa chỉ văn phòng: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Ông) Lý Thanh Quốc, Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh.
- Điện thoại: 0294 3897777.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: hộ kinh doanh số 58C8001584 do UBND huyện Châu Thành cấp lần đầu ngày 05/5/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 18/11/2009.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ỨT NGAO**
- Địa điểm cơ sở: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, cơ sở thực hiện trên tổng diện tích 12.420 m² (thuộc các thửa đất số 452, 453, 455, 456, 458, 1097, tờ bản đồ số 3). Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc: giáp với đất vườn và rạch Xẻo nhỏ;
 - + Phía Nam: giáp với đất vườn và Nhà máy sấy và xay xát Vạn Lợi;
 - + Phía Đông: cách sông Ô Chát khoảng 60 m;
 - + Phía Tây: giáp với đất vườn.



Hình 1.1. Ảnh vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh

- Cơ sở đã được phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo Giấy xác nhận số 14/XN-UBND ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

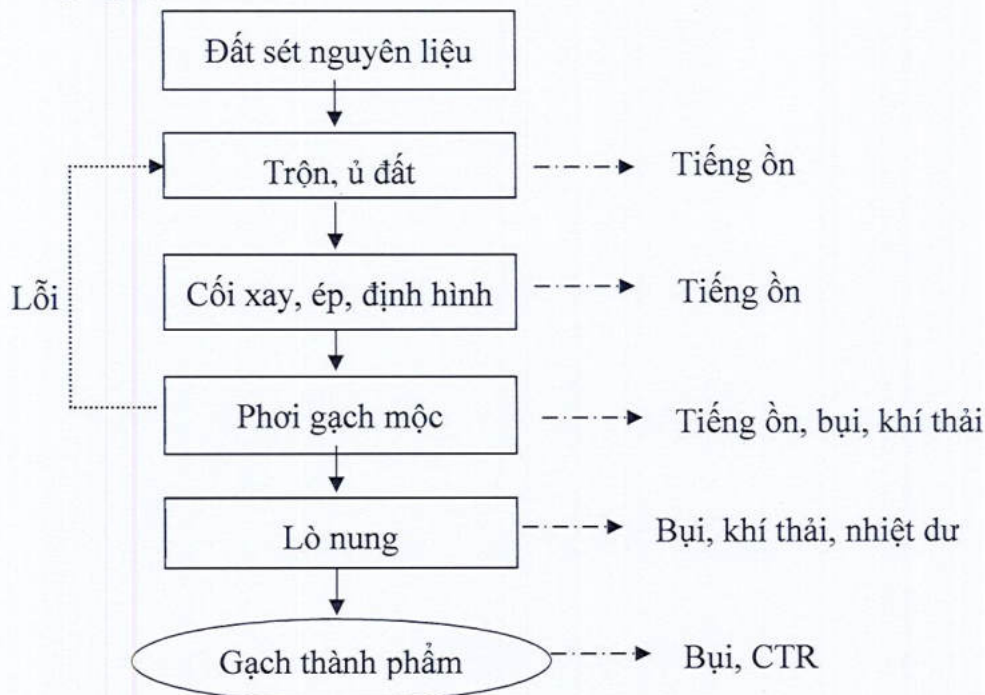
- + Căn cứ theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Mục IV Phụ lục 1 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP¹; tổng vốn đầu tư là 3.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng*), cơ sở thuộc điểm d, khoản 4, Điều 8 và khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14²: thuộc **NHÓM C**.
- + Căn cứ theo quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP³, ngày 10/01/2022 của Chính phủ: thuộc **NHÓM III**.
- + Căn cứ khoản 2, Điều 39 và khoản 4, Điều 41 của Luật BVMT số 72/2020/QH14⁴ thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng TN&MT huyện Châu Thành thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở sản xuất gạch thẻ, gạch ống phục vụ cho công trình xây dựng với công suất sản xuất khoảng 8,5 triệu viên/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của cơ sở

¹ Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.
² Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019.
³ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.
⁴ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

❖ Thuyết minh quy trình:

Đất sét nguyên liệu được lấy từ các vùng có nguồn sét trong tỉnh Trà Vinh vận chuyển về cơ sở và được chứa tại khu chứa nguyên liệu.

Đất tại khu vực chứa được đảo, trộn và bổ sung thêm nước cho đủ độ ẩm, tiến hành ủ đất trong khoảng từ 5-7 ngày, nguồn nước bổ sung được lấy từ nước sông trên rạch Xẻo Nhỏ.

Đất sau ủ được xe cuốc (chạy bằng điện) đưa qua máy xay, ép và định hình theo khuôn mẫu. Đất sau máy ép, định hình sẽ chạy ra từng viên gạch gọi là gạch mộc.

Gạch mộc sẽ được đem ra sân phơi, trung bình từ 03 – 05 ngày tùy vào điều kiện thời tiết. Gạch lỗi phát sinh trong quá trình phơi sẽ được đưa về công đoạn ủ. Gạch mộc sau phơi đạt yêu cầu sẽ được xếp thành từng mẻ và đưa vào lò nung.

Tại cơ sở có 02 hệ thống nung gạch, gạch sau phơi sẽ đưa vào lò theo từng mẻ. Mẻ thứ nhất sau khi được đưa vào lò, miệng lò sẽ được trám lại bằng đất dẻo. Sau khi mẻ thứ nhất đã nung đủ thời gian sẽ cho tiếp mẻ gạch thứ hai vào miệng lò bên cạnh, trám miệng lò và cấp nhiệt. Lò nung được cấp nhiệt bằng trấu, chất đốt được duy trì liên tục trong khoảng từ 07 – 10 ngày (đến khi gạch chín). Gạch chín sau công đoạn nung là gạch thành phẩm.

Gạch thành phẩm trong lò để đến khi hạ về nhiệt độ bình thường sẽ được đưa vào khu vực chứa gạch thành phẩm. Gạch thành phẩm lỗi sẽ được chủ cơ sở tận dụng để san bằng những chỗ thấp tại cơ sở hoặc đem cho những hộ dân xung quanh sử dụng để lót đường, nâng nền.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở khối lượng gạch thẻ, gạch ống sản xuất trong năm, với khối lượng sản phẩm được trình bày theo bảng sau:

Bảng 1.1. Sản phẩm của cơ sở trong năm hoạt động ổn định

Stt	Sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng	Thị trường tiêu thụ
1	Gạch ống thành phẩm	Triệu viên/năm	8,0	Trong tỉnh Trà Vinh
2	Gạch thẻ thành phẩm	Triệu viên/năm	0,5	
Tổng cộng (1 + 2)		Triệu viên/năm	8,5	

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở**1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu của cơ sở**

Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu phục vụ sản xuất tại cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu tại cơ sở

Stt	Nhu cầu nguyên, nhiên liệu	Đơn vị tính	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Đất sét	m ³ /năm	8.500	Trong tỉnh Trà Vinh
2	Dầu DO	Lít/năm	300	
3	Nhớt	Lít/năm	40	
4	Trấu	Tấn/ngày	4,0	Nhà máy sấy và xay xát Vạn Lợi

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng

- Nguồn cung cấp điện năng: được lấy từ mạng lưới điện quốc gia.
- Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở khoảng 1.300 kWh/tháng, phục vụ cho các hoạt động như vận hành cối xay, máy ép và định hình, xe cuốc chạy điện, quạt thông gió và các hoạt động văn phòng, chiếu sáng,...

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nguồn cung cấp nước: được lấy từ trạm cấp nước sạch tại địa phương.
- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: dựa theo hóa đơn tiền nước tại cơ sở trong năm 2022, thì khối lượng nước tiêu thụ tại cơ sở khoảng 4,0 m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 120 m³/tháng. Phục vụ cho các mục đích sinh hoạt của công nhân, hoạt động rửa tay sau ca làm việc.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 12.420 m². Các hạng mục công trình bố trí tại cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình tại cơ sở

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
I	Hạng mục công trình chính	4.770	38,41
1	Khu vực chứa nguyên liệu	300	2,42
2	Trại nhà máy tạo hình	90	0,72
3	Sân phơi gạch mộc 1	3.200	25,76
4	Trại lò nung gạch 1	400	3,22
5	Trại lò nung gạch 2	300	2,42
6	Nhà nghỉ cho công nhân	480	3,86

Stt	Tên hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ sử dụng đất (%)
II	Hạng mục công trình phụ	7.301	58,78
1	Đường nội bộ + Đất trống	7.201	57,98
2	Cây xanh	100	0,81
3	Hệ thống cấp điện	-	-
4	Hệ thống cấp nước	-	-
III	Hạng mục công trình BVMT	349	2,81
1	Khu vực chứa CTCNTT	320	2,58
2	Khu vực chứa CTNH	20	0,16
3	Nhà vệ sinh + Hàm tự hoại	8	0,06
4	Hố lắng	1,0	0,01
	Tổng cộng	12.420	100,00

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở

- Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2010, có tổng vốn đầu tư là 3.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ năm trăm triệu đồng), nguồn vốn từ 100% của chủ cơ sở.
- Thời gian hoạt động trong ngày: từ 7h30 – 17h00.
- Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở: 45 lao động.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Cơ sở hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp phụ trợ cho các công trình xây dựng, tạo việc làm cho nguồn lao động tại địa phương, từ đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực, phù hợp theo Quyết định số 1443/QĐ-TTg, ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023. Ngoài ra, cơ sở hoạt động còn góp phần làm đa dạng nguồn cung ứng các vật liệu trong xây dựng, phù hợp theo định hướng phát triển ngành thương mại - dịch vụ trong nước theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Về quy hoạch sử dụng đất: cơ sở thực hiện trên tổng diện tích 12.420 m² (thuộc các thửa đất số 452, 453, 455, 456, 458, 1097, tờ bản đồ số 3), ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Trong đó, diện tích đất ở là 1.000 m², còn lại là đất trồng cây lâu năm được sử dụng để bố trí các hạng mục như: sân phơi gạch mộc, khu chứa đất nguyên liệu, đường đi nội bộ,... Chủ cơ sở cam kết sẽ chuyển đổi phần đất còn lại sang đất có mục đích sử dụng phù hợp với loại hình hoạt động của cơ sở (*Tờ cam kết đính kèm phần phụ lục*). Vì vậy, việc thực hiện của cơ sở là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Dựa theo loại hình hoạt động của cơ sở, các nguồn tác động phát sinh trong quá trình vận hành chủ yếu là tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải từ hoạt động rửa tay và chất thải rắn. Cụ thể:

- Tiếng ồn, bụi và khí thải: phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào, từ hoạt động của các thiết bị, máy móc và từ quá trình đốt trấu để cấp nhiệt cho lò nung. Xung quanh các khu vực sản xuất được che chắn để hạn chế bụi, tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu vực sinh sống của hộ dân xung quanh cơ sở; sử dụng hệ thống xử lý khói bụi đặt ở cuối lò nung, hệ thống xử lý hoạt động đang hiệu quả.

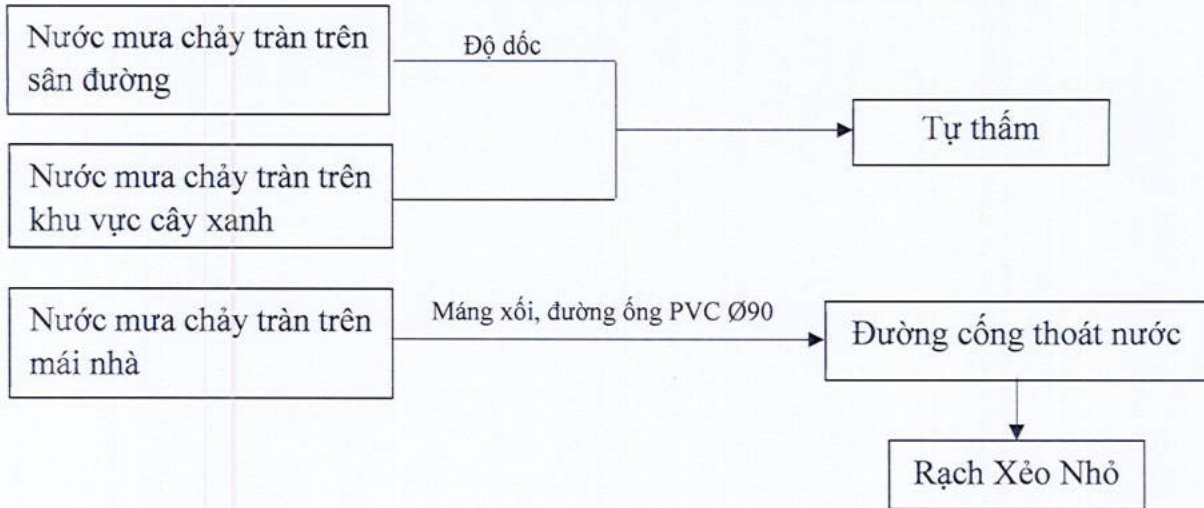
- Nước thải từ hoạt động rửa tay: phát sinh rất ít, được thu gom về hố lắng sau đó thải ra môi trường bên ngoài.

- Chất thải rắn: toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh bao gồm CTRSH, CTCNTT sẽ được thu gom và xử lý, không để phát tán ra môi trường xung quanh

- Cơ sở đã được phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo Giấy xác nhận số 14/XN-UBND ngày 17/10/2021 của UBND huyện Châu Thành. Chủ cơ sở thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường định kỳ hàng năm, các công trình bảo vệ môi trường được chủ cơ sở tuân thủ duy trì thực hiện. Vì vậy, cơ sở đi vào hoạt động là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tại địa phương và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận tại khu vực thực hiện cơ sở.

Chương III**KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải****3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở được thể hiện qua hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường theo độ dốc và nước mưa chảy tràn trên khu vực cây xanh tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom bằng máng xối (tole kẽm), bố trí dọc mái nhà, kích thước lòng máng (rộng x sâu) m là (0,35 – 0,25) m. Nước mưa từ máng xối theo đường ống nhựa PVC Ø90 dẫn xuống đường cống được bố trí dọc với máng xối, bằng bê tông, có nắp đậy, kích thước (rộng x sâu) m là (0,4 x 0,6) m. Nước mưa theo đường cống chảy về hố ga để loại bỏ một phần cặn lơ lửng, sau đó thoát ra rạch Xẻo Nhỏ (chảy ra sông Ô Chát).

- Điểm xả nước mưa: tọa độ X(m): 1094717, Y(m): 583929 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

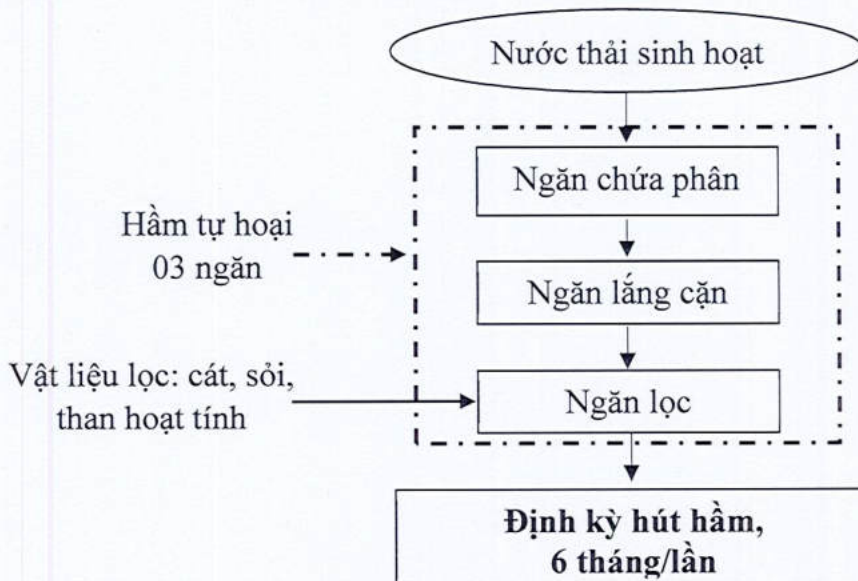
Trong quá trình hoạt động, cơ sở có sử dụng nước bổ sung vào nguyên liệu trong quá trình ủ và nước làm ướt tro để hạn chế tro phát tán vào môi trường xung quanh. Tuy nhiên, lượng nước này được giữ lại trong thành phần nguyên liệu và trên bề mặt tro, không thoát ra bên ngoài. Do đó, hoạt động của cơ sở chỉ phát sinh nước thải từ hoạt động sinh hoạt và từ hoạt động rửa tay sau sản xuất của 45 công nhân tại cơ sở. Công trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:

- Công trình thu gom nước thải: Nhà vệ sinh, diện tích xây dựng khoảng 8,0 m², thể tích hầm tự hoại 8,0 m³, kết cấu tường bao, nền lát gạch. Khu vực rửa tay của công nhân, diện tích khoảng 1,0 m².
- Công trình thoát nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt được lưu chứa trong hầm tự hoại, định kỳ thuê đơn vị đến hút hầm, tần suất 6 tháng/lần.
 - + Nước thải rửa tay: đường rãnh thoát nước ra rạch Xẻo Nhỏ (chảy ra sông Ô Chát), kết cấu bằng bê tông, kích thước (rộng x sâu) là (0,4x0,6) m.
- Điểm xả nước thải sau xử lý:
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được lưu chứa trong hầm tự hoại, vị trí hầm tự hoại: X(m)=1094945, Y(m)=583841 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
 - + Nước thải rửa tay: X(m)=1094713, Y(m)=583939 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K=1,2. Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Xẻo Nhỏ. Cơ quan quản lý công trình thủy lợi: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

3.1.3. Xử lý nước thải

Lượng nước thải từ hoạt động sinh hoạt và nước thải rửa tay phát sinh tại cơ sở khoảng 3,2 m³/ngày.đêm (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80 % lượng nước cấp sinh hoạt). Trong đó, nước thải từ hoạt động rửa tay phát sinh khoảng 1,0 m³/ngày và nước thải từ hoạt động sinh hoạt khoảng 2,2 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và đưa về công trình xử lý nước thải bằng công nghệ xử lý sinh học yếm khí, nước thải rửa tay được thu gom và đưa về hố lãng để xử lý.

- Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:



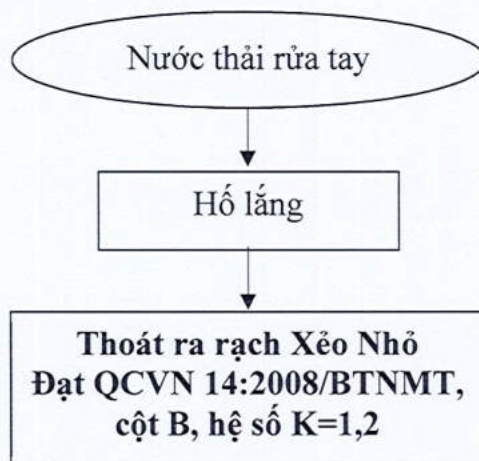
Hình 3.2. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh, sau đó được dẫn về hầm tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây nước thải lần lượt đi qua các ngăn trong hầm, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy hầm. Hầm tự hoại được xây dựng bằng bê tông, có 03 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng, ngăn lọc (thực hiện 03 chức năng lắng cặn, phân hủy cặn và lọc nước). Quá trình xử lý trong hầm tự hoại chủ yếu là quá trình phân hủy kỵ khí. Trong hầm tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình phân hủy kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tương đối ít, được lưu chứa trong hầm tự hoại. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, chủ cơ sở định kỳ sẽ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị chức năng hút bùn, cặn lắng trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

- Sơ đồ xử lý nước thải rửa tay tại cơ sở:



Hình 3.3. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Nước thải rửa tay của công nhân sau mỗi ca làm việc được thu gom và dẫn về hố lắng để xử lý. Hố lắng tại cơ sở được xây dựng với thể tích khoảng 1,5 m³, có kết cấu bê tông, kích thước (dài x rộng x sâu) m là (1,0 x 1,0 x 1,5) m. Nước thải sau hố lắng đạt QCVN 14:2008/BTNMT⁵, cột B, hệ số K=1,2, thoát ra rạch Xẻo Nhỏ (chảy ra sông Ô Chát).

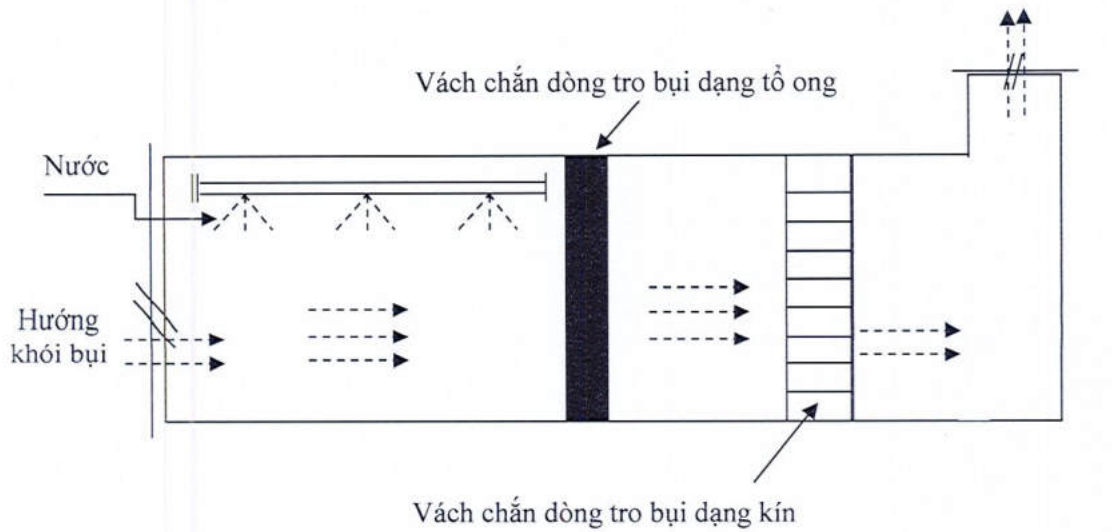
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**✚ Đối với bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:**

Lưu lượng khí thải phát sinh từ hoạt động của lò nung gạch được lấy theo số liệu quan trắc thực tế trong năm gần nhất là 7.840 m³/giờ/lò gạch.

- Công trình thu gom bụi, khí thải lò nung: 02 quạt hút thông gió được bố trí ở 02 lò nung gạch.

⁵ QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Công trình xử lý bụi, khí thải lò nung: Xây dựng HTXL bụi, khí thải lò nung, sơ đồ minh họa theo hình sau:



Hình 3.4. Sơ đồ xử lý khí thải lò gạch tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Khói bụi phát sinh sau phản ứng cháy của nhiên liệu (trấu) sẽ được dẫn về HTXL khói bụi đặt ở cuối lò nung nhờ độ chênh áp, nhiệt độ của luồng không khí cùng với sức hút của quạt hút. Công nghệ xử lý được áp dụng là công nghệ hấp thụ vật lý kết hợp xử lý ướt. Trước tiên, dòng khói bụi được chắn dòng theo phương ngang nhằm tăng thời gian tiếp xúc với màn nước sạch được phun từ trên xuống, màn nước này có tác dụng lôi kéo và làm xa lắng các hạt tro bụi. Sau khi qua vách chắn dòng này, dòng khói bụi tiếp tục qua vách chắn dòng dạng tổ ong được xây bằng gạch ống nhằm nâng cao hiệu quả ngăn chặn các hạt tro bụi còn sót lại trước khi thải ra ngoài. Hỗn hợp bụi, khí thải sau khi qua HTXL sẽ đảm bảo đạt giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số $K_p=1,0$; $K_v=1,0$ và thoát ra bên ngoài qua ống khói (ống khói của lò nung 1 có kết cấu bằng gạch, chiều cao ống khói là 18 m, đường kính ống khói thải là 1,5 m; khung đà bằng bê tông cốt thép; ống khói lò nung 2 có kết cấu bằng thép, chiều cao ống khói là 24 m, đường kính ống khói là 1,0 m, khung đà bằng bê tông cốt thép).

- Một số biện pháp xử lý bụi, khí thải khác được chủ cơ sở đưa vào áp dụng:
 - + Đầu tư trang thiết bị hỗ trợ như xe nâng để hạn chế tối đa công nhân tiếp xúc với các nguồn phát sinh bụi;
 - + Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân, đặc biệt là khẩu trang;
 - + Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh cửa hàng, khuôn viên cơ sở để hạn chế bụi phát sinh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh;
 - + Bố trí khu vực lò nung gạch thông thoáng, giảm thiểu nhiệt thừa phát sinh trong quá trình nung gạch ảnh hưởng đến người lao động trực tiếp tại lò nung;
 - + Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho công nhân theo quy định của pháp luật;

± Đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển:

- Đường nội bộ được bê tông hóa nhằm đảm bảo mỹ quan và hạn chế bụi bốc lên.
- Vệ sinh, thu dọn đất sét nguyên liệu rơi khi ra vào cơ sở;
- Thường xuyên tưới nước khu vực đường ra vào của phương tiện vận chuyển;
- Đảm bảo diện tích cây xanh để tạo không khí trong lành trong khuôn viên cơ sở;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, tránh tập trung nhiều phương tiện;
- Điều hành phương tiện vận chuyển lưu thông hợp lý không để xảy ra tình trạng ùn tắc giao thông trong khu vực; các phương tiện vận chuyển không chuyên chở quá tải trọng cho phép;
- Sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên;

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

- Thành phần và khối lượng phát sinh: khối lượng CTRSH phát sinh tại cơ sở khoảng 18,0 kg/ngày, tương đương khoảng 540 kg/tháng; với thành bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, vỏ trái cây, rau, củ, quả,...
- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: trang bị 05 thùng chứa CTRSH, bằng nhựa HDPE, loại 240 lít, được bố trí dọc đường đi nội bộ. Khi đến thời gian thu gom rác tại địa phương sẽ có công nhân mang ra để ở khu vực phía trước (gần cầu Ô Chát) để thuận tiện cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Đơn vị thu gom và xử lý: Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh, thu gom, vận chuyển và xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần và khối lượng phát sinh: trong quá trình hoạt động thành phần và khối lượng CTCNTT phát sinh tại cơ sở được trình bày theo bảng sau:

Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng CTCNTT phát sinh tại cơ sở

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày)	Khối lượng (kg/tháng)
1	Gạch thành phẩm hư hỏng	453,3	13.599,9
2	Tro	875	26.250
Tổng cộng (1 + 2)		1.328,3	39.849,9

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTCNTT: thu gom và bố trí khu vực chứa theo từng loại phát sinh:

- + Đối với gạch thành phẩm hư hỏng: bố trí khu vực chứa với diện tích khoảng 300 m², chủ cơ sở tận dụng để san lấp những điểm thấp bên trong cơ sở hoặc đem cho những hộ dân xung quanh cơ sở sử dụng để lót đường, nâng nền.
- + Đối với tro: bố trí khu vực chứa với diện tích 20 m², có mái che, lượng tro phát sinh được chủ cơ sở thu gom và chứa trong bao chứa, bán lại cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng tro làm phân bón hoặc bán cho những hộ dân trồng hoa màu. Ngoài ra, cơ sở có thực hiện hợp đồng cung cấp tro cho (Ông) Lê Văn Thi, tại ấp Cây Dứa, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (Hợp đồng được đính kèm ở phần phụ lục).

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần và khối lượng phát sinh: CTNH phát sinh tại cơ sở có khối lượng khoảng 10 kg/năm; với thành phần bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt.

Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	2,0
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	15 02 05	6,0
3	Giẻ lau dính dầu nhớt	Rắn	18 02 01	2,0
Tổng cộng (1 + 2 + 3)				10,0

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:
 - + Thu gom, lưu giữ CTNH trong các dụng cụ chứa và đặt trong khu vực chứa CTNH. Khu vực chứa CTNH có diện tích khoảng 20 m², nền bê tông, có mái che, tường bao (khu vực chứa CTNH được đặt trong khu vực nhà để phụ tùng sửa chữa).
 - + Bố trí 03 thùng chứa CTNH, được dán nhãn để phân loại, 02 thùng nhựa PP, dung tích 120 lít, có nắp đậy, dùng để chứa bóng đèn huỳnh quang thải và giẻ lau dính dầu nhớt; 01 thùng phuy sắt, có dung tích 200 lít, có nắp đậy dùng để chứa dầu nhớt thải;

- + Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa. Chủ cơ sở hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ hoạt động ra vào của các phương tiện vận chuyển và quá trình hoạt động của các thiết bị, máy móc. Một số biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung như sau:

- Bố trí nhà xưởng một cách hợp lý, các nguồn phát sinh trong sản xuất phải bố trí phù hợp với điều kiện sản xuất, sao cho phạm vi ảnh hưởng là nhỏ nhất;
- Bố trí thời gian nhập hàng, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm hợp lý, hạn chế hoạt động vào giờ nghỉ ngơi (buổi trưa), đảm bảo thời gian hoạt động trong ngày (không hoạt động vào ban đêm);
- Các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động luôn ở trong tình trạng tốt nhất;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, bôi trơn ổ bi, hệ thống băng tải để hạn chế tiếng ồn phát sinh;
- Các phương tiện ra vào cơ sở phải tuân thủ nội quy đã đề ra;
- Đảm bảo diện tích cây xanh xung quanh cơ sở;
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân theo đúng quy định của pháp luật (01 lần/năm);

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa, kiểm tra hệ thống – thiết bị định kỳ nhằm bảo đảm hạn chế sự cố phát sinh có thể gây tai nạn lao động cho công nhân làm việc tại cơ sở;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân;
- Tổ chức tập huấn về an toàn lao động cho công nhân trước khi làm việc chính thức tại cơ sở;
- Tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Đường nội bộ trong khu vực nhà xưởng phải đảm bảo thuận lợi cho công tác cứu hỏa khi có sự cố xảy ra.
- Sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng, tạo khoảng cách an toàn cho công nhân để thuận tiện cho việc cứu hộ khi có sự cố xảy ra;
- Do xung quanh khu vực giáp với sông Ô Chát, rạch Xẻo Nhỏ, nên chủ cơ sở

trang bị máy bơm nước, đường dây để phục vụ công tác PCCC khi có sự cố xảy ra;

- Trong khu vực có thể gây cháy cấm công nhân hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt hay các dụng cụ phát ra lửa, treo các biển cảnh báo cháy tại vị trí dễ quan sát;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các máy móc, thiết bị, hệ thống lò nung tại cơ sở.

3.6.3. Sự cố từ hệ thống xử lý khí thải

- Kiểm tra đường ống và các thiết bị hỗ trợ, đảm bảo an toàn khi hoạt động;
- Tập huấn, hướng dẫn công nhân vận hành hệ thống một cách an toàn;
- Định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý khí thải để hạn chế hư hỏng và sự cố xảy ra;
- Nếu xảy ra sự cố cơ sở sẽ báo ngay cho cơ quan quản lý để có hướng giải quyết kịp thời.

Chương IV**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay của công nhân sau ca sản xuất;
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: khoảng 1,0 m³/ngày.đêm;
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý thoát ra nguồn tiếp nhận.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1.	pH	-	5 - 9
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	60
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
4.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/L	12
5.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24
6.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận:
 - + Vị trí xả nước thải: tại rạch Xẻo Nhỏ, tọa độ X(m)=1094713, Y(m)=583939 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
 - + Phương thức xả thải: tự chảy, xả mặt hoặc xả ngầm (theo chế độ thủy triều), xả ven bờ.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Xẻo Nhỏ.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: 02 nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của 02 lò nung gạch.
- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 15.680 m³/giờ (tổng lưu lượng khí thải từ hoạt động của 02 lò nung, mỗi lò nung có lưu lượng khí thải là 7.840 m³/giờ).
- Dòng khí thải: 02 dòng khí thải sau HTXL khí thải được xả ra môi trường.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải đề nghị cấp phép

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT ⁶ , cột B, hệ số $K_p=1$; $K_v=1,0$
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1.000
3	SO ₂	mg/Nm ³	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

- Vị trí, phương thức xả khí thải:
 - + Vị trí xả khí thải: tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - ✓ Ống khói 1: tọa độ: X(m) = 1094870, Y(m) = 583944 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰).
 - ✓ Ống khói 2: tọa độ: X(m) = 1094867, Y(m) = 583903 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰).
 - + Phương thức xả khí thải: xả liên tục khi hoạt động.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ các phương tiện vận chuyển ra vào và hoạt động của thiết bị, máy móc tại cơ sở.
- Giá trị giới hạn đối với thông số tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn của thông số tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT ⁷ (Từ 6 giờ - 21 giờ)
1	Khu vực đặt biệt	dBA	55
2	Khu vực thông thường	dBA	70

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

⁶ QCVN 19:2009/BTNMT-Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

⁷ QCVN 26:2010/BTNMT-Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Chương V
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Vị trí các điểm quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở

Vị trí các điểm quan trắc môi trường định kỳ trong năm 2022 tại cơ sở được thống kê qua bảng sau:

Bảng 5.1. Vị trí các điểm quan trắc môi trường định kỳ tại cơ sở

Stt	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Số lượng mẫu quan trắc	Hệ tọa độ VN2000	
					X(m)	Y(m)
1	Nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý	NT	Đợt 1: Ngày 10/6/2022 Đợt 2: Ngày 03/12/2022	02	1094713	583939
2	Khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch	KT		02	1094829	583952
3	Không khí và tiếng ồn tại khu vực phơi gạch	KK1		02	1094776	583911
4	Không khí và tiếng ồn tại khu vực ép gạch	KK2		02	1094745	583857
5	Không khí và tiếng ồn khu vực chợ Song Lộc	KK3		02	1094568	583904

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý trong năm 2022 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải tại hố ga sau hệ thống xử lý trong năm 2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT ⁸ , cột B, hệ số K=1,2
			Đợt 1 Ngày 10/6/2022	Đợt 2 Ngày 03/12/2022	
1	pH	mg/L	7,01	7,30	5 - 9
2	TSS	mg/L	37	30	120
3	DO	mg/L	--	4,74	-
4	BOD ₅	mg/L	11	13	60
5	COD	mg/L	24	28	-

⁸ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K = 1,2.

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT ⁸ , cột B, hệ số K=1,2
			Đợt 1 Ngày 10/6/2022	Đợt 2 Ngày 03/12/2022	
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	--	78	-
7	N-NH ₄ ⁺	mg/L	--	3,22	12
8	Tổng Nitơ	mg/L	--	7,36	-
9	Tổng Photpho	mg/L	--	1,18	-
10	Dầu, mỡ ĐTV	mg/L	KPH	--	24
11	Tổng Coliform	MPN/100mL	KPH	1.200	5.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú, Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, 2022)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện.

*** Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, hàm lượng các thông số quan trắc trong chất lượng nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý trong cả 02 đợt đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, hệ số K = 1,2.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải đầu ra sau HTXL khí thải lò gạch trong năm 2022 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường bụi, khí thải định kỳ trong năm 2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT ⁹
			Đợt 1 Ngày 10/6/2022	Đợt 2 Ngày 03/12/2022	
1	Lưu lượng	m ³ /h	5.842	7.840	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	92	54,7	200
3	CO	mg/Nm ³	575	238	1.000
4	SO ₂	mg/Nm ³	29	11	500
5	NO ₂	mg/Nm ³	443	65	850

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú, Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, 2022)

⁹ QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số K_p=1,0; K_v=1,0.

*** Nhận xét:**

Qua kết quả quan trắc từ bảng trên nhận thấy, chất lượng bụi, khí thải đầu ra sau HTXL khí thải lò gạch tại cơ sở là khá tốt, tất cả các chỉ tiêu quan trắc trong 02 đợt đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, hệ số $K_p=1,0$; $K_v=1,0$.

5.4. Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí và tiếng ồn trong năm 2022

- Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí bên trong cơ sở và tiếng ồn trong năm 2022 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường không khí bên trong cơ sở và tiếng ồn trong năm 2022

Stt	Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt quan trắc	Kết quả quan trắc				
			Tiếng ồn (dBA)	Bụi toàn phần (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
1	KK1	Đợt 1	62,2	0,13	0,085	0,076	< 9
2	KK2	Ngày 10/6/2022	57,3	0,76	0,124	0,105	< 9
3	KK1	Đợt 2	69,7	0,748	0,073	0,066	4,85
4	KK2	Ngày 03/12/2022	68,5	1,12	0,077	0,068	4,61
QCVN 24:2016/BYT ¹⁰			85	-	-	-	-
QCVN 02:2019/BYT ¹¹			-	8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT ¹²			-	-	5	5	5

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú, Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, 2022)

*** Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, các thông số quan trắc trong môi trường không khí bên trong cơ sở và tiếng ồn ở cả 02 đợt quan trắc trong năm 2022 đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

- Kết quả quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn trong năm 2022 được thể hiện qua bảng sau:

¹⁰ QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
¹¹ QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
¹² QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Bảng 5.5. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn trong năm 2022

Stt	Ký hiệu điểm quan trắc	Đợt quan trắc	Kết quả quan trắc				
			Tiếng ồn (dBA)	Bụi toàn phần ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	SO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	NO ₂ ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)	CO ($\mu\text{g}/\text{m}^3$)
1	KK3	Đợt 1 Ngày 10/6/2022	63,5	170	61	66	<9
2		Đợt 2 Ngày 03/12/2022	61,5	186	55	53	4.880
QCVN 26:2010/BTNMT ¹³			70	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT ¹⁴			-	300	350	200	30.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú, Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng, 2022)

*** Nhận xét:**

Qua kết quả từ bảng trên nhận thấy, các thông số quan trắc định kỳ đối với môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn ở cả 02 đợt quan trắc trong năm 2022 đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT.

¹³ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

¹⁴ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

Chương VI**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****6.1. Chương trình quan trắc chất thải****6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ****a. Quan trắc nước thải định kỳ**

Theo khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và khoản 1, khoản 2 Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ.

b. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

- Vị trí: 02 mẫu khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch
 - + KT_1 : Khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch 1;
 - + KT_2 : Khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch 2;
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi tổng, CO, NO₂, SO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số $K_p=1,0$; $K_v=1,0$.

6.1.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Không áp dụng.

6.1.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác

Giám sát chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn:

- Vị trí: 01 mẫu tại khu vực gần cầu Xẻo Nhỏ (KK);
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, NO₂, SO₂.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được chủ cơ sở trích từ kinh phí hoạt động của cơ sở.

Chi phí lấy mẫu, thử nghiệm các thông số quan trắc môi trường của cơ sở được thực hiện theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về ban hành bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở

Stt	Thông số quan trắc	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
I	Khí thải	4.126.529	2	8.253.058
1	Lưu lượng	326.679	2	653.358
2	Bụi tổng	1.866.907	2	3.733.814
3	CO	573.289	2	1.146.578
4	SO ₂	904.784	2	1.809.568
5	NO ₂	454.870	2	909.740
II	Môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	2.259.897	2	4.519.794
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	262.620	2	525.240
2	CO	533.241	2	1.066.482
3	SO ₂	895.978	2	1.791.956
4	NO ₂	440.948	2	881.896
5	Tiếng ồn trước cổng cơ sở	127.110	2	254.220
Tổng cộng (I+II)		6.386.426	-	12.772.852

(Nguồn: Lý Thanh Quốc, 2023)

Chương VII**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Theo Biên bản về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở ngày 29/12/2022 của UBND huyện Châu Thành, đoàn kiểm tra có yêu cầu dự án thực hiện một số nội dung sau:

- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện theo quy định trong thời gian 30 ngày kể từ ngày lập biên bản kiểm tra.
- Khắc phục, che chắn giảm thiểu bụi khu vực cơ sở.
- Không hoạt động ban đêm, giờ nghỉ ngơi buổi trưa.
- Thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định đất đai.
- Đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp hằng năm theo quy định trong vòng 20 ngày.

Theo đó, chủ cơ sở thực hiện các giải pháp khắc phục các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại cơ sở, kết quả như sau:

- Chủ cơ sở đã tiến hành liên hệ đơn vị tư vấn thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở và trình UBND huyện Châu Thành phê duyệt.
- Chủ cơ sở thực hiện hoạt động sản xuất vào thời gian từ 7h00 đến 17h00 cùng ngày.
- Chủ cơ sở đã liên hệ với cơ quan chức năng thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo đúng quy định đất đai.

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hộ kinh doanh Lý Thanh Quốc xin cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có);
- Cam kết chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định;
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

BẢN SAO

**UBND HUYỆN CHÂU THÀNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
HỘ KINH DOANH
Số: 58C8001584**

*Đăng ký lần đầu, ngày 05 tháng 5 năm 2008
Thay đổi lần thứ: 1, ngày 18 tháng 11 năm 2009*

1/. Tên hộ kinh doanh: **84L-4584 LÝ THANH QUỐC**
2/. Địa điểm kinh doanh: **Trong và ngoài tỉnh**
Ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: **074.3897114** Fax:
Email: Website:
3/. Ngành, nghề kinh doanh: **CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN**
Sản xuất gốm, sứ, vật liệu xây dựng (sản xuất gạch, ngói)
VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ (Vận chuyển hàng hóa)

4/. Vốn kinh doanh: **900.000.000 đồng**

5/. Họ và tên cá nhân, hoặc tên đại diện hộ gia đình:

LÝ THANH QUỐC

Nam/Nữ: **Nam**

Sinh ngày: **1978**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân số: **334099789**

Ngày cấp: **05/4/1996**

Nơi cấp: **Công an tỉnh Trà Vinh**

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Cơ quan cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

**Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc,
Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh**

Chỗ ở hiện tại:

**Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc,
Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh**

Chữ ký của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình:

CHỨNG THỰC BẢN SAO NÀY ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số.....*526*.....Quyển.....*01*.....
Lương Hòa, ngày.....*22*.....tháng.....*11*.....năm.....*2010*



Nguyễn Văn Nguyễn

Số: 14 /XN-UBND

Châu Thành, ngày 17 tháng 10 năm 2012

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN
của cơ sở sản xuất gôm sứ, vật liệu xây dựng **Út Ngao**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của cơ sở sản xuất gôm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao kèm theo Văn bản đề nghị số 01-MT ngày 05/10/2012 của chủ cơ sở có tên Lý Thanh Quốc và Tờ trình số 445/TTr-PTNMT ngày 09/10/2012 của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường,

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
XÁC NHẬN:

Điều 1. Bản Đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi là Đề án) của cơ sở sản xuất gôm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao (sau đây gọi là cơ sở) do ông Lý Thanh Quốc lập (sau đây gọi là chủ cơ sở) đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành.

Điều 2. Chủ cơ sở có trách nhiệm:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong Đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT.HU, TT.HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT.UBND huyện (b/c);
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Phòng Công Thương;
- UBND xã Song Lộc;
- Lưu: VI.



Trần Văn Điều

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: DIỆP HÙNG

Năm sinh: 1964, CMND số: 334427090

Địa chỉ thường trú: ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	

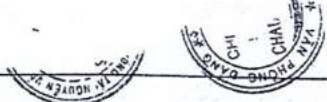


Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải kê khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.
Kèm theo GCN này

Có trang bổ sung số: 1/02

BM 937514

nhận của cơ
thẩm quyền



I. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 452, tờ bản đồ số: 3
- b) Địa chỉ: ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
- c) Diện tích: 710 m², (bằng chữ: Bảy trăm mười mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 710 m²; chung: Không m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- e) Thời hạn sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

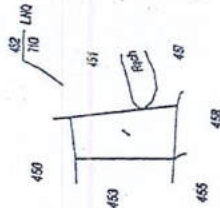
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thừa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/2000

Châu Thành, ngày 29 tháng 11 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN ĐIỀU



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH01554

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 452 Tờ bản đồ số: 3
Số phát hành GCN: BM.937514 Số vào sổ cấp giấy: CH01554

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý Xác nhận của cơ quan KT. GIẤY CHỨNG NHẬN PHỐ GIÁM ĐỐC 06/12/2019	Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số 02B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 067014.TC.005.
--	---

Trang bổ sung số: 2...

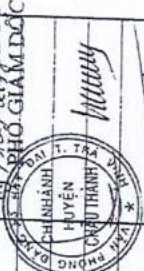
TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 452 Tờ bản đồ số: 3
Số phát hành GCN: BM.937514 Số vào sổ cấp giấy: CH01554

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền 04/12/2014	Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL CN Trà Vinh, địa chỉ: Số 57, Phường Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số: 038914.TC.001.
Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày: 24/12/2014 theo hồ sơ số: 067014.XC.004.	Thủ tục đăng ký thế chấp tại: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số 02B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số: 067014.TC.005.

Trang bổ sung số: 01..

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới cũ gốc lệ pháp lý



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Ông: DIỆP HÙNG

Năm sinh: 1964, CMND số: 334427690

Địa chỉ thường trú: ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	

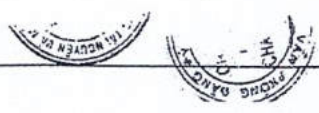
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải kê khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.
Kèm theo GCN này

Có trang bổ sung số: 01/02



29 . 1 2 0 1 9 4 1 6

BM 937513



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 453, tờ bản đồ số: 3
- b) Địa chỉ: ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
- c) Diện tích: 3050 m² (bằng chữ: Ba nghìn không trăm năm mươi mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 3050 m²; chung: Không m²
- đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 300,0 m²; - Đất trồng cây lâu năm 2750,0 m²
- e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 26/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 300,0m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 2750,0m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

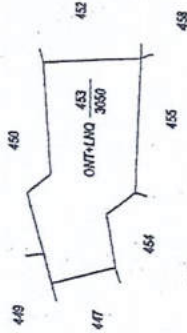
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/2000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Châu Thành, ngày 29 tháng 11 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

**KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH**



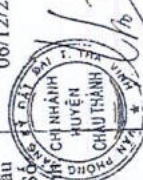
Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH101553

Handwritten initials or mark.

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 453 Tờ bản đồ số: 3
 Số phát hành GCN: BM 937513 Số vào sổ cấp giấy: CH101553

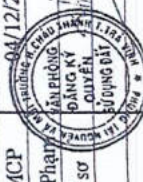

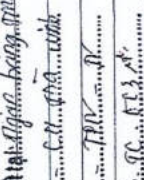
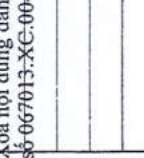
<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan KT. GIẤY CHỨNG NHẬN PHỐ GIẤY ĐỐC 06/12/2019</p>  <p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số 021B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 067013.TC.005</p> <p><i>Nguyễn Văn...</i></p>
---	--

Trang bổ sung này kèm đính kèm Giấy chứng nhận mới cũ gốc từ pháp lý

Trang bổ sung số: 2...

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 453 Tờ bản đồ số: 3
 Số phát hành GCN: BM 937513 Số vào sổ cấp GCN: CH101553

<p>Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền 04/12/2014</p>  <p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL CN Trà Vinh, địa chỉ: Số 57, Phường Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số: 038914.TC.001</p> <p><i>Vương Hữu...</i></p>
<p>Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày: 04/12/2017 theo hồ sơ số: 038914.XC.002</p>	 <p><i>Nguyễn Văn...</i></p>
<p>Thế chấp bằng QSD đất tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh</p>	 <p><i>Nguyễn Văn...</i></p>
<p>Địa chỉ: ...</p>	<p><i>Nguyễn Văn...</i></p>
<p>Tráo hồ sơ số: ...</p>	<p><i>Nguyễn Văn...</i></p>
<p>Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 09/12/2017 theo hồ sơ số: 067013.XC.004</p>	 <p><i>Nguyễn Văn...</i></p>

Trang bổ sung này kèm đính kèm Giấy chứng nhận mới cũ gốc từ pháp lý

Trang bổ sung số: 01...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Bà: NGUYỄN THỊ DIỆU

Năm sinh: 1972, CMND số: 334470917

Địa chỉ thường trú: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

BH 292656

Xã, thị trấn của cơ quan
có thẩm quyền

Sơ thẩm quyền

Giấy chứng nhận
sở hữu nhà ở và tài sản
khác gắn liền với đất



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 455, tờ bản đồ số: 3
- b) Địa chỉ: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 1970 m², (bảng chữ: Một nghìn chín trăm bảy mươi mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 1970 m²; chung: Không m²
- đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 300,0 m², - Đất trồng cây lâu năm 1670,0 m²
- e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 26/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 300,0m²
Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 1670,0m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

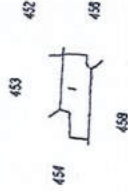
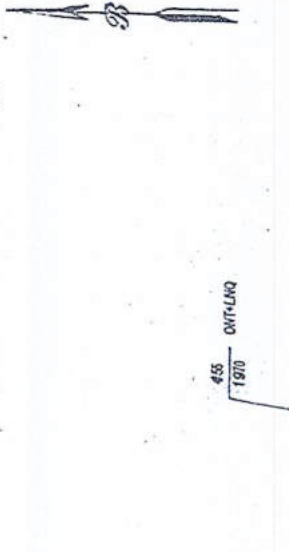
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thừa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 28 tháng 6 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Điền

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	<p>Chuyển nhượng cho ông Diệp Hùng, SN 1964, CMND số 334427690, cấp ngày 03/6/2004 tại CATV. Địa chỉ thường trú: ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số 29401.012841.CN.VP.</p> <p>30/7/2012</p> <p>Phạm Tự Cường</p>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: DIỆP HÙNG

Năm sinh: 1964, CMND số: 334427690

Địa chỉ thường trú: ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

BH 290657

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền.

Trung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của
quan có thẩm quyền.



Nguồn được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sua bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải thay báo ngay với cơ quan cấp Giấy.
Kèm theo **CĂN BẰNG**

Có trang bổ sung số: 01/62

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 456, tờ bản đồ số: 3
- b) Địa chỉ: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 1070 m², (bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi lăm mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 1070 m²; chung: Không m²
- đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

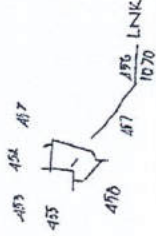
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thừa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 14 tháng 5 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH

TRẦN VĂN ĐIỀU




Trần Văn Điều

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN




Thửa đất số: 456 Từ bản đồ số: 3
 Số phát hành GCN: BH 290657 Số vào sổ cấp giấy: CH101230

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số 02B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 067010.TC.004</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Ngày 08/12/2019</p> 

Trang bổ sung này luôn đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 456 Từ bản đồ số: 3
 Số phát hành GCN: BH 290657 Số vào sổ cấp GCN: CH101230

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thẻ chấp bằng quyền sử dụng đất Ngân hàng TMCP Phát triển nhà ĐBSCL CN Trà Vinh, địa chỉ: Số 57, Phường Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số: 038914.TC.001</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Ngày 09/12/2014</p> 
<p>Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 17/12/2017 theo hồ sơ số 067010.XC.004</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Ngày 12/12/2017</p> 
<p>Thẻ chấp bằng OSD đất tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số 02B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 067010.TC.004</p>	<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p> <p>Ngày 06/12/2019</p> 

Trang bổ sung này luôn đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Ông: ĐIỆP HÙNG
Năm sinh: 1964, CMND số: 33442769D
Địa chỉ thường trú: ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

BO 730214

Xã... nhận của cơ quan
có thẩm quyền

cơ quan thay đổi và cơ sở pháp lý

nhận của cơ
có thẩm quyền

Nguồn được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy
Kèm theo GCN này

Cố trình hồ sơ số: .../.../...



2940114076477



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 458, tờ bản đồ số: 3
- b) Địa chỉ: ấp Phú Khánh, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
- c) Diện tích: 2650 m² (bằng chữ: Hai nghìn sáu trăm năm mươi mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: rừng: 2650 m²; chung: Không m²
- đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 100,0 m², - Đất trồng cây lâu năm 2550,0 m²
- e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 11/12/2046
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 100,0m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 2550,0m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

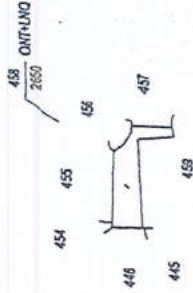
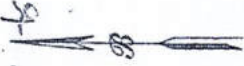
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 07 tháng 01 năm 2014
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Điều

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thừa đất số: 458 Tờ bản đồ số: 3
Số phát hành GCN: BQ 730214 Số vào sổ cấp giấy: C1102300

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan KT. GIẤM ĐỐC PHÓ THẺ CHẤP BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TRÀ VINH, ĐỊA CHỈ: SỐ 02B LÊ THÁNH TÒN, KHÓM 3, PHƯỜNG 2, THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH THEO HỒ SƠ SỐ 067015.TC.005.
------------------------------------	--

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thừa đất số: 458 Tờ bản đồ số: 3
Số phát hành GCN: BQ 730214 Số vào sổ cấp GCN: C1102300

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền 04/12/2014 THẺ CHẤP BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN NHÀ ĐBSCL CN TRÀ VINH, ĐỊA CHỈ: SỐ 57, PHẠM HỒNG THÁI, PHƯỜNG 3, TPTV, TỈNH TRÀ VINH, THEO HỒ SƠ SỐ: 038914.TC.001.
Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày: 05/12/2014 theo hồ sơ số: 038914.XC.001.	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày: 05/12/2014 theo hồ sơ số: 038914.XC.001.
Thẻ chấp bằng QSD đất tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà ĐBSCL CN Trà Vinh, địa chỉ: Số 57, Phạm Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số: 038914.TC.001.	Thẻ chấp bằng QSD đất tại Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà ĐBSCL CN Trà Vinh, địa chỉ: Số 57, Phạm Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ số: 038914.TC.001.
Địa chỉ: Phạm Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh.	Địa chỉ: Phạm Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh.
Trao hồ sơ số: 038914.XC.001.	Trao hồ sơ số: 038914.XC.001.
Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 09/12/2017 theo hồ sơ số 067015.XC.004	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 09/12/2017 theo hồ sơ số 067015.XC.004

Trang bổ sung này luôn kèm theo định kèm Giấy chứng nhận nhân mới cơ sở pháp lý



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Ông: DIỆP HÙNG
Năm sinh: 1964, CMND số: 334427690
Địa chỉ thường trú: ấp Phú Lân, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

BH 290658

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Ông thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của
cơ quan có thẩm quyền



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.
Kèm theo GCN này

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 1097, tờ bản đồ số: 3
- b) Địa chỉ: ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- c) Diện tích: 2970 m² (bằng chữ: Hai nghìn chín trăm bảy mươi mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: riêng: 2970 m²; chung: Không m²
- e) Mục đích sử dụng: - Đất ở 300,0 m²; - Đất trồng cây lâu năm 2670,0 m²
- f) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 26/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 300m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 2670,0m²

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

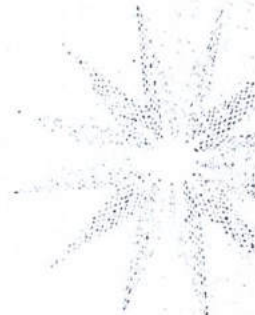


1097 097+1097

A14



A19



Handwritten signature

Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 14 tháng 5 năm 2012
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH



Trần Văn Điều

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CH01231

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 1097 Tờ bản đồ số: 3
 Số phát hành GCN: BII 290658 Số vào sổ cấp giấy: CH01231

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan KT, CHẾ ĐỘ ĐẤT ĐEN PHÓ GIÁM ĐỐC 06/12/2019
------------------------------------	---

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất tại Ngân hàng TMCP Dầu
 Tơ và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trà Vinh, địa chỉ: Số
 02B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh,
 tỉnh Trà Vinh theo hồ sơ số 067011.TC.005.V

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 1097 Tờ bản đồ số: 3
 Số phát hành GCN: BII 290658 Số vào sổ cấp GCN: CH01231

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền 04/12/2014
------------------------------------	--

Thế chấp bằng quyền sử dụng đất Ngân hàng TMCP
 Phát triển nhà ĐBSCL CN Trà Vinh, địa chỉ: Số 57, Phạm
 Hồng Thái, Phường 3, TPTV, tỉnh Trà Vinh, theo hồ sơ
 số: 038914.TC.001.V

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày: 04/12/2014
 theo hồ sơ số: 038914.TC.001.V

Thế chấp bằng OSD đất tại: Ngân hàng Dầu Tơ và Phát triển Việt Nam
 địa chỉ: Số 02B Lê Thánh Tôn, khóm 3, phường 2, Thành Phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
 theo hồ sơ số: 067011.TC.005.V

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 09/12/2017 theo hồ sơ
 số 067011.XC.004.V



Trang bổ sung này kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền thế chấp bằng quyền sử dụng đất

Châu Thành, ngày 06 tháng 3 năm 2023

BẢN CAM KẾT
Về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành
- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành

Hộ kinh doanh Lý Thanh Quốc, địa chỉ tại ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, chủ cơ sở “Cơ sở sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao”.


Hiện tại, cơ sở “Cơ sở sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao” hoạt động trên tổng diện tích là 12.420 m² (thuộc các thửa đất số 452, 453, 455, 456, 458, 1097, tờ bản đồ số 3), ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Trong đó, diện tích đất ở là 1.000 m², còn lại là đất trồng cây lâu năm được sử dụng để bố trí các hạng mục như: sân phơi gạch mộc, khu chứa đất nguyên liệu, đường đi nội bộ,... Chủ cơ sở cam kết sẽ chuyển đổi phần đất chưa phù hợp sang đất có mục đích sử dụng phù hợp với loại hình hoạt động của cơ sở theo đúng quy định trong 05 năm (2023-2027).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Châu Thành, ngày 06 tháng 3 năm 2023

Chủ hộ kinh doanh


Lý Thanh Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005.
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của mỗi bên.

Hôm nay ,ngày 29 tháng 10 năm 2010 ,tại cơ sở sản xuất gốm sứ gạch ông ÚT NGAO,đại diện hai bên gồm có:

Bên bán(Bên A): Ông Lý Thanh Quốc

Địa chỉ:ấp Phú Khánh,xã Song Lộc,huyện Châu Thành,tỉnh Trà Vinh.

Bên mua(Bên B):Ông Lê Văn Thi

Địa chỉ:ấp Cây Dứa,xã Thanh Bình,huyện Vũng Liêm,tỉnh Vĩnh Long..

Sau khi bàn bạc,hai bên cùng đi đến thống nhất kí kết hợp đồng mua bán tro với những điều cụ thể như sau:

Điều I:- Bên A có trách nhiệm cung cấp tro cho Bên B khi lò gạch hoạt động(tro được sản xuất ra khi lò gạch đốt trấu để nung gạch).

-Bên B phải tranh thủ hốt tro hết sau khi lò gạch nung hoạt động (phần tro sau khi nung gạch),không được để ngoài lâu ảnh hưởng đến môi trường.

Điều II: Giá cả,phương thức thanh toán được hai bên tự thỏa thuận.

Điều III:- Trong quá trình mua bán ,hai bên phải nghiêm chỉnh chấp hành Điều I như đã nêu.

- Nếu có vướng mắc gì ,hai bên tự thương lượng giải quyết.

- Nếu hai bên không tự giải quyết,thì phải nhờ đến cơ quan chức năng,chi phí phát sinh do bên thực hiện không đúng như hợp đồng chi trả.

Hợp đồng này được lập thành hai bản có giá trị như nhau,mỗi bên giữ một bản.

Đại diện Bên A



Lý Thanh Quốc

Đại diện Bên B



Lê Văn Thi

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG XANH VN
Đường số 8 - KCN Trảng Bàng-An Tịnh -
Trảng Bàng - Tỉnh Tây Ninh - Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: VP77/23/HĐXLHCM-ML

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2023

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

(V/v: Thu gom, vận chuyển & xử lý chất thải nguy hại và rác công nghiệp)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường có hiệu lực ngày 10/01/2022.
- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty CP Môi Trường Xanh VN;
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Tại địa điểm: VPĐD Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN.

Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG XANH VN

Địa chỉ trụ sở chính : Đường số 8, KCN Trảng Bàng, Phường An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Số điện thoại : 02763 898322

Fax: 02763 898 321

Mã số thuế : 3900357907

Số tài khoản : 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.

Đại diện : Ông **LÊ THIÊN PHƯƠNG**

Chức vụ: Phó Giám Đốc



BÊN B : **CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO**
Địa chỉ : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại : 0918703799
Mã số thuế : 2100439066
Đại diện : Ông **LÝ THANH QUỐC** Chức vụ: Chủ hộ kinh doanh

Hai bên thỏa thuận thống nhất nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) & rác công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Bên B với chủng loại theo danh mục sau:

❖ **Danh mục chất thải :**

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
3	Bao bì mềm thải (bao ni lông dính thành phần nguy hại)	Rắn	18 01 01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
5	Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn	08 01 01
6	Mực in	Rắn	08 02 01
7	Hộp mực in	Rắn	08 02 04
8	Pin, ác quy chì thải	Rắn	16 01 12
9	Than hoạt tính	Rắn	12 01 04
10	Rác công nghiệp	Rắn	-----

Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

- Bên B giao chất thải cho Bên A tại kho của Bên B theo địa chỉ: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Sau khi giao nhận hai Bên phải đối chiếu số lượng chất thải xử lý và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường do Bên B cung cấp.
- Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B 01 (một) lần/Năm. Bên B báo trước cho Bên A 04 ngày bằng fax hoặc điện thoại để Bên A sắp xếp công việc.
- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại & rác công nghiệp, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại Điều 1.
- Đối với các loại chất thải nguy hại & rác công nghiệp phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

1. Giá cả thanh toán

- Đơn giá xử lý: 10.000VNĐ/Kg.
 - Chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất thải: 5.000.000VNĐ/Năm.
 - Chi phí vận chuyển: 8.000.000VNĐ/Chuyến.
- Tổng chi phí xử lý = Chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất thải + chi phí vận chuyển + (đơn giá xử lý * số lượng chất thải phát sinh)*
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo qui định hiện hành.
 - Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển chất thải.

2. Phương thức thanh toán.

- Bên A căn cứ vào hợp đồng phát hành hóa đơn thu tiền Chi phí duy trì dịch vụ xử lý chất tháisau khi hợp đồng có hiệu lực.
- Sau khi hoàn tất mỗi đợt thu gom xử lý, Bên A sẽ căn cứ theo biên bản giao nhận chất thải thực tế xuất hành hóa đơn thu tiền chi phí xử lý và chi phí vận chuyển cho Bên B.
- Thời hạn thanh toán không quá 10 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A phát hành. Trường hợp quá thời hạn nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Agribank chi nhánh Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh.
- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Xanh VN- 5704 201 000 192 Mở tại ngân hàng Agribank, chi nhánh Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh. Ngoài hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không

chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc bất cứ hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm điều này, Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên.

4.1. Trách nhiệm Bên A

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH& rác công nghiệp của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển CTNH& rác công nghiệp ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của Bên A.
- Khi thu gom vận chuyển CTNH, Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp (Mã QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX).
- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày giao nhận CTNH, Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH mà Bên B đã chuyển giao cho Bên A.

4.2. Trách nhiệm Bên B

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH & rác công nghiệp tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.
- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH& rác công nghiệp tại kho Bên B.
- Bên B có trách nhiệm giao chất thải cho phương tiện vận chuyển nằm trong giấy phép hành nghề quản lý CTNH của Bên A do Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường cấp. Nếu Bên B tự ý giao CTNH cho xe vận chuyển khác không nằm trong giấy phép của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Theo qui định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT: Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu của Bên B (chứng từ CTNH gồm 04 liên), Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của Bên A; Nếu chủ nguồn thải không kê khai chứng từ CTNH ngay thời điểm chuyển giao chất thải (trừ trường hợp bất khả kháng có thông báo gửi cho Bên A) thì trong vòng 06 tháng phải bổ sung chứng từ cho Bên A. Sau 06 tháng Bên A sẽ không nhận chứng từ CTNH vì quá hạn xử lý theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và chứng từ đó sẽ bị hủy. Trong trường hợp này, Bên A sẽ căn cứ theo hợp đồng và biên bản giao nhận để xuất hóa

đơn. Bên B vẫn phải thanh toán đầy đủ chi phí cho Bên A sau khi nhận được hóa đơn tài chính từ Bên A.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH & rác công nghiệp cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu Bên B vi phạm hợp đồng thì Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A theo đúng thỏa thuận của hợp đồng.

Điều 5. Điều khoản bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 6. Điều khoản chung.

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết. Nếu 02 (hai) Bên không thực hiện đúng theo điều khoản thì Bên vi phạm sẽ chịu mọi trách nhiệm.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không giao chất thải cho Bên A và thanh toán dựa theo Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn bản gửi cho Bên B trước 15 ngày. Bên B vẫn phải thanh toán tiền xử lý chất thải cho Bên A dựa trên Điều 3.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.

- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2023 đến ngày 01/03/2024.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ THIÊN PHƯƠNG

ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ HỘ KINH DOANH

LÝ THANH QUỐC



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2021

GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX

(Cấp lần 2)

I. Thông tin chung về chủ xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

Tên: Công ty Cổ phần Môi trường Xanh VN.

Địa chỉ văn phòng: Đường số 8, Khu công nghiệp Tráng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Tráng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3898322 Fax: 0276.3898321 E-mail: info@moitruongxanhvn.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900357907, đăng ký thay đổi lần 9 ngày 09/03/2020.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

II. Nội dung cấp phép:

- Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại các Phụ lục khác kèm theo (nếu có)

III. Điều khoản thi hành:

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày: 27 / 9 / 2026 và thay thế Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 3-4-5-6.005.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần đầu) ngày 25 tháng 9 năm 2018.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Sở TN&MT tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, TCMT, VPTN&TKQ, QLCT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

UBND HUYỆN CHÂU THÀNH
ĐOÀN KIỂM TRA
(Theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND
ngày 25/7/2022 của UBND huyện)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 20 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của dự án đầu tư/cơ sở

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành tiến hành kiểm tra thực tế tại dự án/cơ sở:..... Công ty Sơn Kiệt gub ngoài này

Lý Thanh Quốc.....

- Thời gian: từ 14 giờ 50 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2022

- Địa điểm: Ấp Phú Khánh, xã Song Mỹ

I. Thành phần Đoàn kiểm tra:

1.1. Thành viên có mặt:

Ông/bà: Nguyễn Trọng Khâm..... Chức danh: Trưởng Đoàn KT

Ông/bà: Nguyễn Quốc Chính..... Chức danh: Thành viên Thủ lý

Ông/bà: Đinh Văn Việt..... Chức danh: Thành viên

Ông/bà: Nguyễn Thanh Phong..... Chức danh: Thành viên

Ông/bà: Phan Văn Hoàng..... Chức danh: CE Kỹ thuật xã hội học

Ông/bà:..... Chức danh:.....

Ông/bà:..... Chức danh:.....

Ông/bà:..... Chức danh:.....

1.2. Thành viên vắng mặt:

Ông/bà: Nguyễn Văn Tuấn..... Chức danh: Thành viên

Lý do vắng mặt: Đi công tác

Ông/bà: Lê Hoa Nam..... Chức danh: Thành viên

Lý do vắng mặt: Chưa NVQP hợp

II. Đại diện chủ dự án/cơ sở:

Ông Lý Thanh Quốc..... Chủ cơ sở.....

- Với sự tham gia của:

.....

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án/cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

III. Kết quả kiểm tra:

1. Thông tin dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Lý Thanh Quốc

Địa chỉ trụ sở:

SĐT liên hệ chủ dự án/chủ cơ sở: 0918 703 799

Tổng mức đầu tư: 1 tỷ đồng

Loại hình hoạt động: Sản xuất gạch ngói

Quy mô, công suất: 8.5 triệu viên/năm

Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Diện tích đất sử dụng: 1000 m², số thửa....., tờ bản đồ.....

Hình thức (thuê/đất nhà): Đất nhà

Số lượng công nhân hiện tại: 100 người.

Tình trạng hoạt động của cơ sở:

+ Chưa hoạt động, đang thi công xây dựng:

+ Đang hoạt động:

Thời gian vào hoạt động: từ tháng.....năm 2010 đến nay.

2. Xử lý nước thải:

Nước mưa chảy tràn (có hay không có thu gom vào hệ thống thu gom): Thu gom bể gom sau đó thoát ra sông ô nhiễm

Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng phát sinh: 23 m³/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có qua hầm tự hoại?): ; thể tích hầm tự hoại: 04 m³. Định kỳ thuê hút hầm hay có điểm ra ra nguồn tiếp nhận nước thải: Đã ra sông ô nhiễm

Nước thải sản xuất (nếu có):

Tổng lượng phát sinh:m3/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có xử lý):.....; công suất hệ thống/công trình xử lý nước thải:m3/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải:

.....*không phát sinh*.....

Nguồn tiếp nhận nước thải:

3. Xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Bụi:*Từ khu vực ép giấy, dây chuyền lọc nước giấy*.....

Khói, khí thải:*Từ lò nướng giấy*.....

Mùi hôi:

4. Tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh:*Từ máy nổ, phát triển sản xuất giấy*.....

Xử lý/giảm thiểu:

Hoạt động ban đêm (có hay không có):*không*.....

Thời gian hoạt động trong ngày:*7h - 17h*.....

5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng phát sinh :*1.6*...kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):*hợp đồng thu gom xử lý theo quy định*.....

- Chất thải rắn công nghiệp:

Lượng phát sinh :*0.7*...kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):*thu gom vào hố chôn lấp*.....
.....*Số chôn lấp có sẵn*.....

6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại: Bóng đèn thải //dầu thải //pin thải / mạch điện tử /khác.

Lượng phát sinh :*1.0*...kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):*thu gom vào hố chôn lấp*.....
.....*chất thải nguy hại*.....

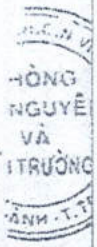
Kho lưu giữ (có hay không có):*không*..... Diện tích:m2

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

.....*không*.....

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

.....



V. Kết luận:

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, xác định dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.

Dự án/cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện

Dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đăng ký môi trường tại UBND cấp xã:

Không

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại dự án/cơ sở:

Qua kiểm tra tại Cơ sở Đoàn Kiểm tra đã ghi nhận chi tiết hồ sơ các nội dung sau:

- Hợp đồng cho thuê đất xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện theo quy định quy định thời gian 30 ngày kể từ ngày cấp báo cáo đánh giá tác động môi trường, chế biến, phân phối than bụi than và xỉ.

- Khảo sát địa điểm ban đầu, ghi chú với buổi họp.

- Thực hiện chuyên mục để xử lý đất theo đúng pháp luật đất đai.

- Đáp ứng các yêu cầu môi trường tồn tại trước thời điểm nhập hàng năm theo quy định (chức năng và nhiệm vụ của đơn vị quản lý phát thải bụi than và xỉ trong khâu phân phối than bụi than và xỉ) trong vòng 30 ngày.

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Thực hiện các yêu cầu của Đoàn Kiểm tra

.....
Biên bản được lập vào hồi 15 giờ 30 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/
CƠ SỞ

[Handwritten signature]

Lý Thanh Kiên

[Handwritten signature]

Đinh Văn Việt

THƯ KÝ ĐOÀN

[Handwritten signature]

Nguyễn Quốc Chính
THÀNH VIÊN THAM GIA

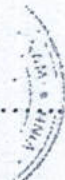
[Handwritten signature]

Thần Văn Hoàng

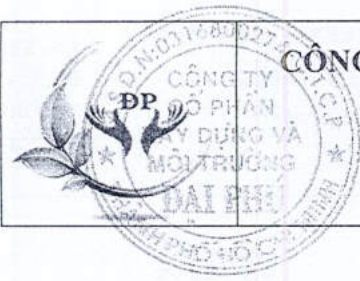
TRƯỞNG ĐOÀN



[Handwritten signature]
Nguyễn Ngọc Khánh



PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BM03

Số BH: 01

Ngày BH: 02/07/2021

Số trang: 1/4

Số: 22.2368

BIÊN BẢN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG- Đơn vị yêu cầu quan trắc: Lý Thanh Quốc

- Căn cứ chức năng hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú

- Hôm nay, vào lúc 10 giờ 40 phút, ngày 10 tháng 06 năm 2022**I. CHÚNG TÔI GỒM:****1. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú**- Ông (bà): Lý Phước Lộc Chức vụ: NVQT- Ông (bà): Phạm Tấn Phát Chức vụ: NVQT

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

2. Đại diện đơn vị giám sát:- Ông (bà): Nguyễn Phúc Khang Chức vụ: Nhân Viên**3. Đại diện cơ sở được quan trắc:**

- Ông (bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường như sau

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC:**1. Địa điểm lấy mẫu: Cơ sở sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao - ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh****2. Mục đích lấy mẫu: Quan trắc môi trường****3. Lấy mẫu trong điều kiện: Trời nắng, H08BT****4. Thực hiện:**

Phương pháp lấy và bảo quản mẫu: Theo trong Vimcerts được chứng nhận

Ký hiệu	Điểm lấy mẫu	Thông số quan trắc	Tọa độ		Ghi chú
K01	Môi trường không khí khu vực phơi gạch	Tổng bụi lơ lửng (TSP), Tiếng ồn, CO, SO ₂ , NO ₂	583911	1094776	
K02	Môi trường không khí khu vực ép gạch	Tổng bụi lơ lửng (TSP), Tiếng ồn, CO, SO ₂ , NO ₂	583857	1094715	
K03	Môi trường không khí xung quanh khu vực chợ Song Lộc (Trước cổng của cơ sở)	Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, NO ₂ , SO ₂	583904	1094568	
N901	Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý	pH, TSS, BOD ₅ , COD, Dầu, mỡ động thực vật, Coliform	583939	1094713	
K901	Khí thải đầu ra của HTXLKT lò gạch	Lưu Lượng, Bụi (PM), SO ₂ , CO, NO _x (tính theo NO ₂)	583952	1094829	

5. Mẫu kiểm soát chất lượng QC

STT	Loại mẫu	Ký hiệu	Thông số



CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BM03

Số BH: 01

Ngày BH: 02/07/2021

Số trang: 2/4

STT	Loại mẫu	Ký hiệu	Thông số

6. Các mẫu niêm phong gồm:.....

Quá trình tiến hành lấy và bảo quản mẫu đúng theo phương pháp lấy mẫu được chứng nhận. Mẫu được bảo quản và vận chuyển về phòng thử nghiệm với biên bản bảo quản mẫu quan trắc đi kèm.

Lưu mẫu (đối với mẫu nước và mẫu đất):

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không? Có Không

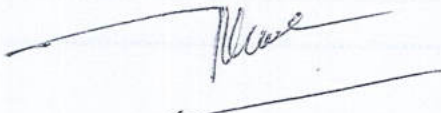
Biên bản được thành lập 1... bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 1... bản, giao cho đơn vị giám sát 1... bản (nếu có đơn vị giám sát), Công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú lưu 1... bản.

Thời gian bắt đầu làm việc, giờ phút

Kết thúc, 11... giờ 30... phút, ngày 10... tháng 06... năm 2022...


Đại diện cơ sở được quan trắc

(Ký và ghi rõ họ tên)


Ly Thanh An

Đại diện đơn vị giám sát


(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thúc Chang

Đại diện đơn vị quan

trắc

(Ký và ghi rõ họ tên)


Ly Thúc Lộc



CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BM03

Số BH: 01

Ngày BH: 02/07/2021

Số trang: 3/4

PHỤ LỤC

Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu					
Nước mặt	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-3:2016					
Nước thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995					
Nước dưới đất	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016					
Nước biển	<input type="checkbox"/> TCVN 5998:1995, TCVN 6663-3:2016					
Vi sinh	<input type="checkbox"/> TCVN 8880:2011					
Thực vật phù sinh	<input type="checkbox"/> SMEWW 10200B:2017					
Động vật đáy	<input type="checkbox"/> SMEWW 10200G:2017					
Động vật đáy	<input type="checkbox"/> SMEWW 10500:2017					
Đất	<input type="checkbox"/> TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007					
Trầm tích	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-19:2015, TCVN 6663-15:2004					
Bùn thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004					
Chất thải rắn	<input type="checkbox"/> TCVN 9466:2012					
Không khí	Đo tại hiện trường					
	<input type="checkbox"/> Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018
	<input type="checkbox"/> Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	<input type="checkbox"/> Rung	TCVN 6963:2001
	<input type="checkbox"/> Hướng gió	QCVN 46:2012/BTNMT				
	Lấy mẫu					
	<input type="checkbox"/> Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	<input type="checkbox"/> Bụi Chi		TCVN 5067:1995	
	<input type="checkbox"/> Bụi PM 10	40 CFR part 50 Method appendix J	<input type="checkbox"/> Bụi PM 2.5		40 CFR Part 50 Method Appendix L	
	<input type="checkbox"/> NO ₂	TCVN 6137:2009	<input type="checkbox"/> SO ₂		TCVN 5971:1995	
	<input type="checkbox"/> H ₂ S	MASA 701	<input type="checkbox"/> NH ₃		MASA 401	
	<input type="checkbox"/> CO	HDCV/LM-23	<input type="checkbox"/> Cl ₂		MASA 202	
	<input type="checkbox"/> Asen (As)	OSHA method ID 105	<input type="checkbox"/> Asin (AsH ₃)		NIOSH method 6001	
	<input type="checkbox"/> Cadimi (Cd)	NIOSH method 7048	<input type="checkbox"/> Niken (Ni)		OSHA method ID 121	
	<input type="checkbox"/> Mangan (Mn)	OSHA method ID 121	<input type="checkbox"/> Hydrocacbon (C _x H _y)		NIOSH Method 1500	
	<input type="checkbox"/> Tetracloetylen	NIOSH Method 1003	<input type="checkbox"/> Mercaptan (tính theo Methyl Mercaptan)		OSHA method 26	
	<input type="checkbox"/> Naphtalen	OSHA method 35	<input type="checkbox"/> Acetaldehyde		NIOSH Method 2538	
	<input type="checkbox"/> Fomaldehyt	NIOSH Method 2541	<input type="checkbox"/> Vinyl clorua		NIOSH Method 1007	
	<input type="checkbox"/> Acetonitrile	NIOSH Method 1606	<input type="checkbox"/> VOCs		NIOSH Method 1501	
	<input type="checkbox"/> Cloroform	NIOSH method 1003	<input type="checkbox"/> HF		NIOSH method 7906	
	<input type="checkbox"/> HBr	NIOSH method 7907	<input type="checkbox"/> HCl		NIOSH method 7907	
	<input type="checkbox"/> HNO ₃	NIOSH method 7907	<input type="checkbox"/> H ₃ PO ₄		NIOSH method 7908	
<input type="checkbox"/> H ₂ SO ₄	NIOSH method 7908	<input type="checkbox"/> Phenol		NIOSH method 2546		
<input type="checkbox"/> Metan (CH ₄)	MASA 101					
Khí thải	Đo tại hiện trường					
	<input type="checkbox"/> Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1 + US EPA Method 1A	<input type="checkbox"/> Hàm ẩm	US EPA Method 4	<input type="checkbox"/> CO	HDCV/LM-82
	<input type="checkbox"/> Vận tốc	US EPA Method 2	<input type="checkbox"/> Nhiệt độ	HDCV/LM-72	<input type="checkbox"/> SO ₂	HDCV/LM-82
	<input type="checkbox"/> Lưu lượng	US EPA Method 2	<input type="checkbox"/> Áp suất	HDCV/LM-82	<input type="checkbox"/> O ₂	HDCV/LM-82
	<input type="checkbox"/> Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	<input type="checkbox"/> NO _x (tính theo NO ₂)	HDCV/LM-82	<input type="checkbox"/> CO ₂	HDCV/LM-82
	Lấy mẫu					
	<input type="checkbox"/> Tổng bụi	US EPA Method 5	<input type="checkbox"/> HF		US.EPA Method 26A	
	<input type="checkbox"/> SO ₂	US.EPA Method 8	<input type="checkbox"/> VOCs		PD CEN/TS 13649:2014	
	<input type="checkbox"/> NO _x (tính theo NO ₂)	TCVN 7172:2002	<input type="checkbox"/> Hydrocacbon (C _x H _y)		US EPA method 0010	
	<input type="checkbox"/> CO	TCVN 7242:2003	<input type="checkbox"/> NH ₃		JIS K 0099:2004	
<input type="checkbox"/> HCl	US.EPA Method 26A	<input type="checkbox"/> H ₂ SO ₄		US.EPA Method 8		



CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P.An Phú Đông, Q.12, TP.HCM :

Tel: 028.66604779 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: www.giamsatmoitruong.com.vn

MS: TTCL-08/BMG3

Số BH: 01

Ngày BH: 02/07/2021

Số trang: 4/4

<input type="checkbox"/> HBr	US.EPA Method 26A	<input type="checkbox"/> Asen (As)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Cl ₂	US.EPA Method 26A	<input type="checkbox"/> Cadimi (Cd)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Đồng (Cu)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Crom (Cr)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Chi (Pb)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Coban (Co)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Mangan (Mn)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Photpho (P)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Niken (Ni)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Selen (Se)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Kẽm (Zn)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Bạc (Ag)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Beri (Be)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Tali (Ti)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Thủy ngân (Hg)	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Bari (Ba)	US.EPA Method 29
<input type="checkbox"/> Antimon	US.EPA Method 29	<input type="checkbox"/> Methyl etyl keton (MEK)	PD CEN/TS 13649:2014
<input type="checkbox"/> Hợp chất hidrocarbon đa vòng thơm (PAHs)	US EPA method 0023 + US EPA method 0010		



Mã số/ Ref. No: 03870/2022/PKQ (22.2368)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: Cơ sở sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao - ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
220611.NT.008	Đầu ra của hệ thống xử lý	X=583939, Y=1094713

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 10/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 17/06/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result 220611.NT.008
1	pH ^(a,b)	-	TCVN 6492:2011	7,01
2	TSS ^(a,b)	mg/L	TCVN 6625:2000	37
3	COD ^(a,b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	24
4	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	11
5	Coliform ^(a,b)	MPN/100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH
6	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. (b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận/ The parameter has been recognized by ISO/IEC 17025:2017.
3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2022

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ THỦY



Mã số/ Ref. No: 03869/2022/PKQ (22.2368)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CƠ SỞ SẢN XUẤT GỐM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **Cơ sở sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao - ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Khí thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
220611.KT.026	Đầu ra của HTXLKT lò gạch	X=583952, Y=1094829

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 10/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 17/06/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result
				220611.KT.026
1	Lưu Lượng ^(a)	m ³ /h	US EPA Method 2	5.842
2	Bụi tổng ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	92
3	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 8	29
4	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	443
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	575

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2022

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

GIÁM ĐỐC



ĐOÀN THỊ THỦY

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ**

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028.6660477 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: giamساتmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 03868/2022/PKQ (22.2368)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM****TEST REPORT**

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CƠ SỞ SẢN XUẤT GỐM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **Cơ sở sản xuất gốm sứ, vật liệu xây dựng Út Ngao - ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Không khí**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
220611.KXQ.004	Khu vực chợ Song Lộc (Trước cổng của cơ sở)	X=583904, Y=1094568
220611.KXQ.036	Khu vực phơi gạch	X=583911, Y=1094776
220611.KXQ.037	Khu vực ép gạch	X=583857, Y=1094745

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 10/06/2022

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 17/06/2022

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		
				220611. KXQ.004	220611. KXQ.036	220611. KXQ.037
1	Tiếng ồn ^(a)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	63,5	62,2	57,3
2	Bụi toàn phần ^(a)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	170	130	760
3	NO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 6137:2009	66	76	105
4	SO ₂ ^(a)	µg/m ³	TCVN 5971:1995	61	85	124
5	CO ^(a)	µg/m ³	SOP-H16	< 9.000	< 9.000	< 9.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

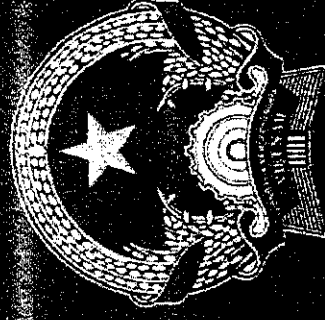
NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2022

**ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số liệu: VIMCERTS 292

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.
3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận.
4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 292

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú

Trụ sở chính và Phòng thí nghiệm: 156 đường Vườn Lài,
phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt
động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đoàn Thị Thuý Chức vụ: Giám đốc

Số CMT: 025532917

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 15 tháng 11 năm 2011

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày **26** tháng **01** năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt: Lấy mẫu: 05
- Nước thải: Lấy mẫu: 02
- Nước biển: Lấy mẫu: 04
- Nước dưới đất: Lấy mẫu: 02

2. Khí:

- Không khí xung quanh: Lấy mẫu: 34
- Khí thải: Lấy mẫu: 32

3. Đất:

- Lấy mẫu: 01

4. Bùn:

- Lấy mẫu: 01

5. Trầm tích:

- Lấy mẫu: 01

6. Chất thải rắn:

- Lấy mẫu: 01

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt: 37 thông số
- Nước thải: 38 thông số
- Nước biển: 22 thông số
- Nước dưới đất: 35 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh: 19 thông số
- Khí thải: 10 thông số

3. Đất:

- 13 thông số

4. Bùn:

- 15 thông số

5. Trầm tích:

- 08 thông số

6. Chất thải rắn:

- 10 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận
kèm theo Quyết định số: **218** /QĐ-BTNMT ngày **27** tháng **01** năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường.)

Hà Nội, ngày **27** tháng **01** năm 2022

KT-BỘ TRƯỞNG
NGUYỄN THỨ TRƯỜNG



Võ Luan Nhân

Số: 218 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với đối với Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú", địa chỉ tại 156 đường Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 292/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 292) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty cổ phần xây dựng và môi trường Đại Phú chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

BIÊN BẢN THU NHẬN MẪU

Hôm nay, vào lúc..... ngày 8/12/2022, tại Cơ Sở.....

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát:

Đơn vị yêu cầu:

Tên dự án: CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO

Địa chỉ lấy mẫu: Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Mã số thuế:ĐT.....Ngành nghề:

I. Đại diện đơn vị lấy mẫu:

Ông (Bà) Ngô Tùng Điền

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Nguyễn Xuân Tiến

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Nguyễn Phụng

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

II. Đại diện đơn vị yêu cầu:

Ông (Bà) *Ly Thanh Quốc*..... Chức vụ:

III. Đại diện đơn vị giám sát:

Ông (Bà) *Mã Hữu Phước*..... Chức vụ:

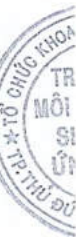
Ông (Bà) Chức vụ:


IV. Số biên bản thành lập: bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

V. Điều kiện lấy mẫu:

❖ Kết quả lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ
01	Không khí	KK1	Khu vực phơi gạch		Bụi toàn phần, Tiếng ồn, CO, NO ₂ , SO ₂	
02	Không khí	KK2	Khu vực ép gạch		Bụi toàn phần, Tiếng ồn, CO, NO ₂ , SO ₂	
03	Không khí	KK3	Khu vực chợ Song Lộc (Trước cổng của cơ sở)		Tổng bụi lơ lửng, Tiếng ồn, CO, NO ₂ , SO ₂	
04	Khí thải	KT	Khí thải đầu ra của HTXLKT lò gạch		Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO ₂ , SO ₂ ,	

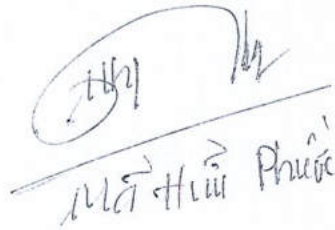


05	Nước thải	NT	Hồ ga đầu nối vào ^{SCu} hệ thống XLNT của Khu công nghiệp	pH, DO, Chất rắn lơ lửng (SS), COD, BOD ₅ , Amoni (Tính theo N), Clorua, Tổng N, Tổng P, Coliforms	
----	-----------	----	--	---	---

Đại diện đơn vị yêu cầu


Ly Thanh Cường

Đại diện đơn vị giám sát


Mã Hữu Phước

Đại diện đơn vị lấy mẫu


Nguyễn Xuân Trường

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 2218/12-22

Mã mẫu: 2212NT137 (032/12-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/12/2022 **Ngày trả kết quả:** 12/12/2022
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Nước hơi đục
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : lấy tại đầu ra sau hệ thống xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492-2011	7,30
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	4,74
3	TSS	mg/L	TCVN 6625-2000	30
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-2:2008	13
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	28
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	78
7	Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 5988-1995	3,22
8	Tổng Nito	mg/L	TCVN 6638-2000	7,36
9	Tổng Photpho	mg/L	TCVN 6202-2008	1,18
10	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2-1996	1200

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOANG VAN TIN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 2220/12-22

Mã mẫu: 2212KT141 (032/12-22) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/12/2022 **Ngày trả kết quả:** 12/12/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Khí thải công nghiệp
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : Khí thải đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò gạch

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả
1	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02 SOP-HTK 02 US EPA Method 5	7.840
2	Bụi	mg/Nm ³		54,7
3	SO ₂	mg/Nm ³		11
4	NO _x	mg/Nm ³		65
5	CO	mg/Nm ³		238

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOANG VĂN TÍN

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 2219/12-22

Mã mẫu: 2212KK138-2212KK140 (032/12-22) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu : CƠ SỞ SẢN XUẤT GÓM SỨ, VẬT LIỆU XÂY DỰNG ÚT NGAO
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Phú Khánh, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 03/12/2022 **Ngày trả kết quả:** 12/12/2022
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, cơ sở hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK1** khu vực phơi gạch
: **KK2** khu vực ép gạch
: **KK3** khu vực chợ Song Lộc, trước công cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		
				KK1	KK2	KK3
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,7	68,5	61,5
2	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,748	1,12	-
3	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	-	-	0,186
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,073	0,077	0,055
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,066	0,068	0,053
6	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	4,85	4,61	4,88

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

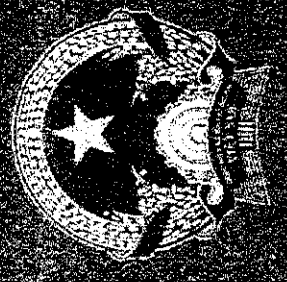
PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐU ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VMC/CT/15/ĐM

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
2. Chăm sóc, bảo quản, giữ gìn nơi trưng bày Giấy chứng nhận;
3. Chăm sóc nước hồ bơi và vệ sinh Giấy chứng nhận;
4. Chăm hoạt động không được phép vì lợi nhuận theo Giấy chứng nhận được cấp;
5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài Nguyên và Môi trường.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VMCERTS 064
(Cấp lần 4)

Tên tổ chức:

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Trụ sở chính: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 1071/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Hoàng Văn Tùng. Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 060073000063

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 15 tháng 5 năm 2017

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kể từ ngày ký đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG

- | | | |
|-------------------------|----------------------|---------------------------------|
| 1. Nước: | Lấy mẫu: 04 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
| - Nước mặt và lục địa: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 03 thông số |
| - Nước thải: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
| - Nước dưới đất: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 04 thông số |
| - Nước mưa: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 07 thông số |
| - Nước biển: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
| 2. Khí: | Lấy mẫu: 26 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
| - Không khí xung quanh: | Lấy mẫu: 01 thông số | Đo tại hiện trường: 06 thông số |
| - Khí thải: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 3. Đất: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 4. Trầm tích: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 5. Bùn: | Lấy mẫu: 01 thông số | |
| 6. Chất thải rắn: | Lấy mẫu: 01 thông số | |

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- | | |
|-------------------------|-------------|
| 1. Nước: | 28 thông số |
| - Nước mặt và lục địa: | 28 thông số |
| - Nước thải: | 26 thông số |
| - Nước dưới đất: | 09 thông số |
| - Nước mưa: | 04 thông số |
| - Nước biển: | 07 thông số |
| 2. Khí: | 09 thông số |
| - Không khí xung quanh: | 09 thông số |
| 3. Đất: | 05 thông số |
| 4. Trầm tích: | 05 thông số |
| 5. Bùn: | 05 thông số |

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1071/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

KT-BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

Số: 1061 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;



Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Trung Tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng**”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **064/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 064**) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

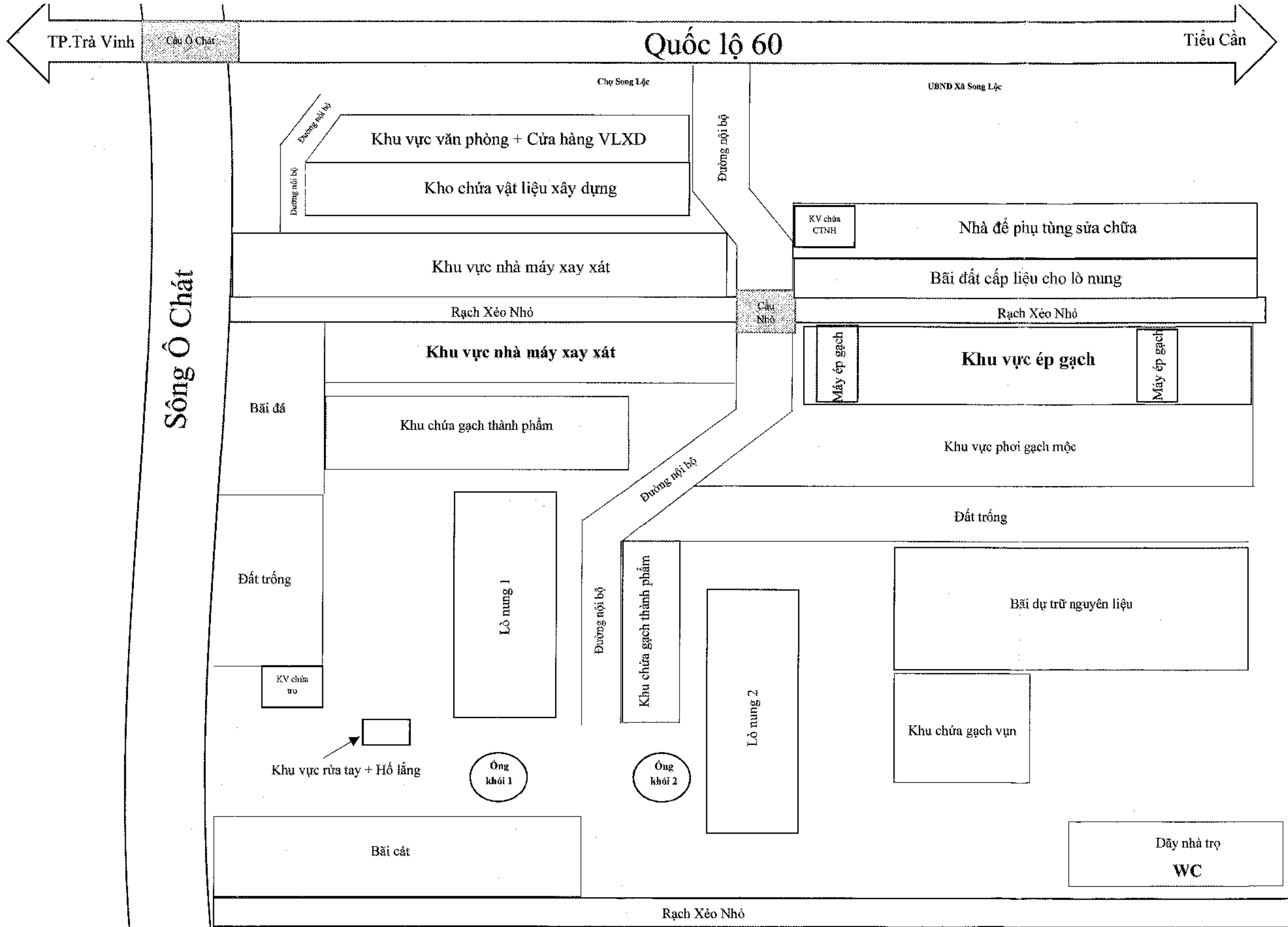
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QL/QL(12).

**KÊ. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

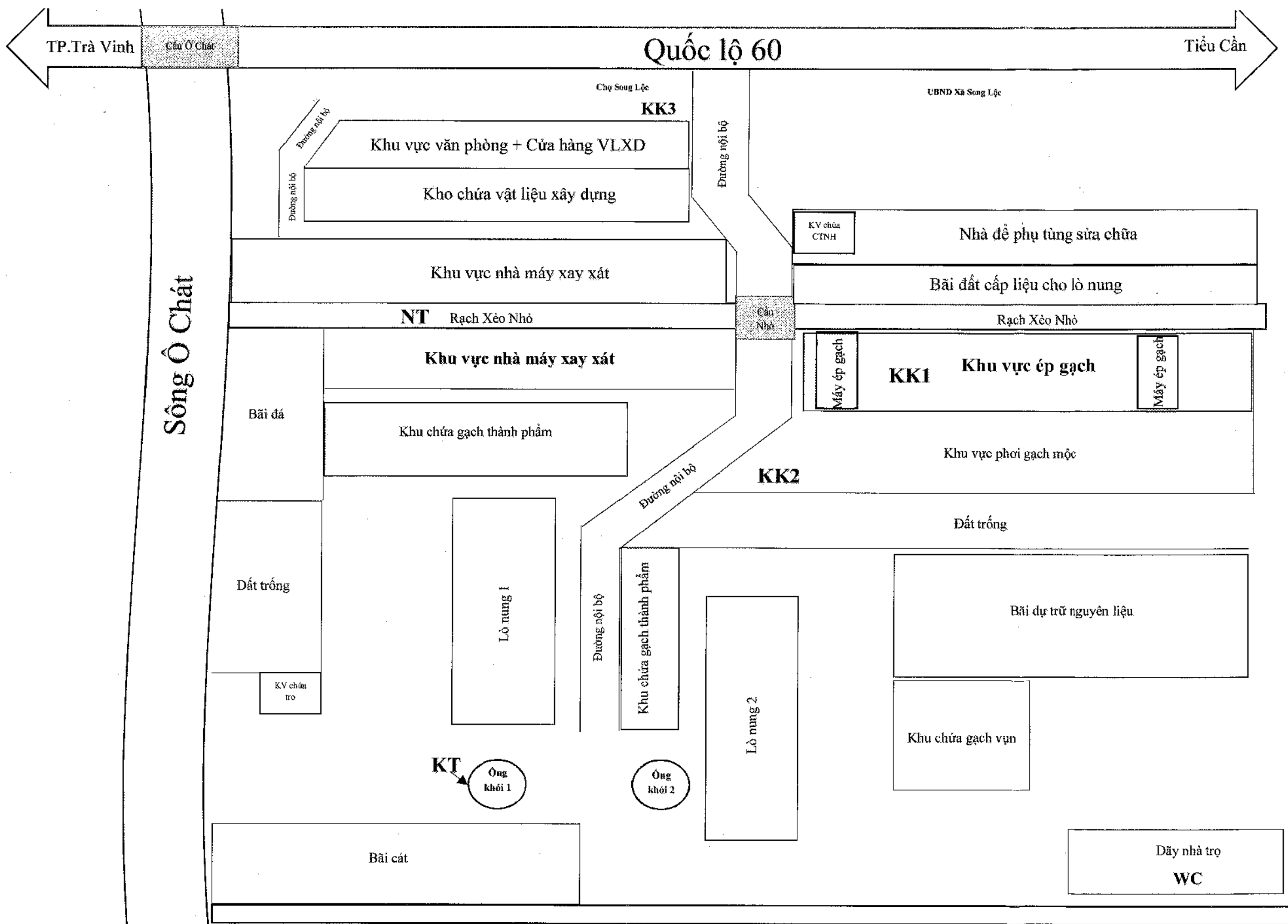


Võ Tuấn Nhân

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

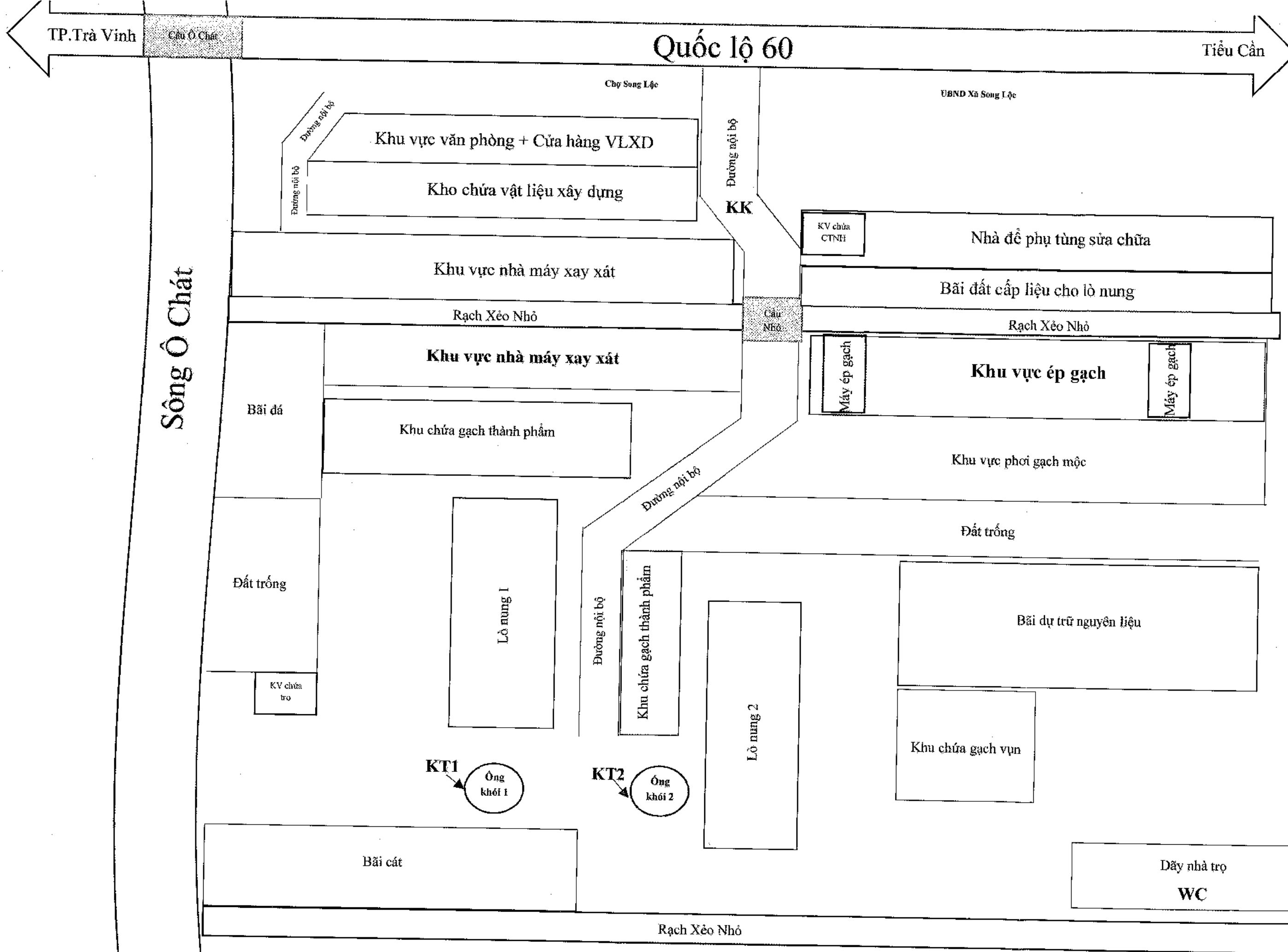


Sơ đồ Mặt bằng tổng thể bố trí các hạng mục công trình tại cơ sở



Sơ đồ vị trí thu mẫu quan trắc môi trường năm 2022

Ghi chú:
 - KT: Vị trí thu mẫu khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch;
 - NT: Vị trí thu mẫu nước thải sau HTXL;
 - KT1: Vị trí thu mẫu không khí và tiếng ồn khu vực ép gạch;
 - KT2: Vị trí thu mẫu không khí và tiếng ồn khu vực phơi gạch;
 - KKc: Vị trí thu mẫu không khí xung quanh và tiếng ồn khu vực chợ.



Sơ đồ Vị trí quan trắc môi trường định kỳ

Ghi chú:
 - KT1: Vị trí Khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch 1;
 - KT2: Vị trí Khí thải đầu ra của HTXL khí thải lò gạch 2;
 - KK: Vị trí giám sát chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn;